



**HAGL Agrico**



BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2019

**HỢP TÁC  
THÀNH CÔNG  
ĐỘT PHÁ  
PHÁT TRIỂN**



## Triết lý kinh doanh

Một doanh nghiệp được đánh giá cao là một doanh nghiệp phải tạo lập được sự an toàn và ổn định trong hoạt động của mình; Tạo ra lợi nhuận bền vững; Và thị phần liên tục được mở rộng và tăng trưởng.



## Sứ mệnh

Áp dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để khai thác tiềm năng đất đai nhằm tạo ra các sản phẩm nông nghiệp hữu ích cho cuộc sống. Thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng về vật chất và tinh thần nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên tạo ra nhiều giá trị mới cho khách hàng, Cổ đông và toàn xã hội.



## Tầm nhìn

Trở thành Công ty hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực nông nghiệp.



## Giá trị cốt lõi

**Tôn trọng:** Tôn trọng bản thân; Tôn trọng đồng nghiệp; Tôn trọng Công ty; Tôn trọng đối tác; Hợp tác trong sự tôn trọng.

**Tuân thủ:** Tuân thủ luật pháp và các quy định của Việt Nam, Lào, Campuchia. Tuân thủ quy định, chính sách của Công ty.

**Sẵn sàng vượt khó:** Sẵn sàng đối đầu với thử thách, nỗ lực và quyết tâm tìm mọi giải pháp để vượt qua.

## 05 THÔNG TIN CHUNG

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT  
Quá trình hình thành và phát triển  
Sự kiện nổi bật trong năm  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Danh sách Công ty con và Công ty liên kết  
Cơ cấu bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển của Công ty  
Các yếu tố rủi ro

## 34 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- + Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- + Tình hình tài chính
- + Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- + Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## 46 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- + Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các hoạt động của Công ty
- + Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty
- + Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

## 52 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- + Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị
- + Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng giám đốc
- + Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

## 26 THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

- + Thông tin Hội đồng Quản trị
- + Thông tin Ban Tổng Giám đốc
- + Thông tin Ban Kiểm soát

## 42 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- + Đánh giá chung về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019
- + Tình hình tài chính
- + Kế hoạch trong năm 2020
- + Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán

## 48 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- + Thành viên và các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019
- + Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019

## 56 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- + Quản lý nguồn nguyên vật liệu & năng lượng
- + Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- + Chính sách liên quan tới người lao động
- + Kết nối cộng đồng nâng cao đời sống xã hội
- + Cùng nhau phát triển

## 66 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# Thông tin Chung

Tên Công ty  
tiếng Việt:

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NÔNG NGHIỆP  
QUỐC TẾ  
HOÀNG ANH GIA LAI**

Tên Công ty  
tiếng Anh:

**HOANG ANH GIA LAI  
AGRICULTURAL  
JOINT STOCK  
COMPANY**

Tên viết tắt: **HAGL AGRICO**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp thay đổi lần  
thứ 18 ngày 26/08/2019, cấp lần đầu ngày 26/05/2010

Trụ sở chính:

Địa chỉ: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng,  
Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Số điện thoại: (+84.269) 222 2285

Số fax: (+84.269) 222 2218

Website: [www.haagrico.com.vn](http://www.haagrico.com.vn)



VỐN ĐIỀU LỆ (VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU)

**11.085.538.950.000 VND**



MỆNH GIÁ CỔ PHẦN

**10.000 VND**



MÃ CỔ PHIẾU

**HNG**



TỔNG SỐ CỔ PHẦN

**1.108.553.895**



**TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH  
TẬP ĐOÀN  
HOÀNG ANH GIA LAI**  
15 TRƯỜNG CHINH-TP. PLEIKU-GIA LAI  
[www.hagl.com.vn](http://www.hagl.com.vn)

## THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



## HỢP TÁC THÀNH CÔNG ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

### Kính gửi: Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Ngân hàng và Đối tác

Năm 2019 ghi lại nhiều dấu ấn quan trọng của tiến trình tái cấu trúc tài chính với các hoạt động như thanh lý tài sản không hiệu quả, chuyển đổi phần lớn diện tích trồng cọ dầu sang trồng cây ăn trái và chuyển nhượng một số Công ty con.

Với sự dịch chuyển mạnh mẽ trong cơ cấu kinh doanh của Công ty tập trung nguồn lực vào mảng cây ăn trái, chúng tôi tin tưởng đây là hướng đi cực kỳ đúng đắn. Bởi lẽ, sản phẩm trái cây có thị trường tiêu thụ rộng lớn, thời gian thu hoạch nhanh và hiệu quả kinh tế cao nên sẽ nhanh chóng mang lại dòng tiền cho Công ty. Hiện tại, các sản phẩm trái cây tươi của HAGL Agrico đang được xuất khẩu ra thị trường Quốc tế, được khách hàng đón nhận và đánh giá rất cao.

Cuối năm 2019 sang đầu năm 2020, dịch Covid-19 bùng phát trên toàn thế giới, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, từ nguồn lao động cho đến

## “Tồn tại và duy trì khối tài sản to lớn của cổ đông là mục tiêu tối thượng trong năm 2020.”

nguồn cung ứng vật tư, thu hoạch, vận chuyển và tiêu thụ. Đến thời điểm lập báo cáo thường niên này thì tình hình dịch bệnh vẫn đang diễn biến rất phức tạp và khó đoán được thời điểm kết thúc. Vì vậy, HAGL Agrico đề ra mục tiêu cho năm 2020 là duy trì chăm sóc tốt diện tích cây ăn trái đang có, ổn định việc làm, thu nhập và giữ gìn sức khỏe cho người lao động, tích cực phòng chống dịch, giữ vững an ninh trật tự vùng dự án, duy trì kênh phân phối và mối quan hệ với khách hàng. Bên cạnh đó, HAGL Agrico sẽ tiến hành bàn bạc với các ngân hàng để thực hiện các biện pháp khoanh nợ, giãn nợ, giảm lãi suất để ứng phó với những khó khăn và hậu quả của dịch bệnh. Tồn tại và duy trì khối tài sản to lớn của cổ đông là mục tiêu tối thượng trong năm 2020.

Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng dịch Covid-19 rồi cũng sẽ qua đi, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng cũng sẽ hồi phục. Ngành nông nghiệp cây ăn trái tạo ra các sản phẩm thiết yếu nên sẽ có cơ hội tăng trưởng tốt khi nền kinh tế được tái khởi động. Với phương châm giữ ổn định sản xuất kinh doanh, tái cơ cấu tài chính để thích ứng khó khăn, và với các giải pháp hỗ trợ nền kinh tế của Chính phủ thì Công ty sẽ tiếp tục tồn tại và phát triển, duy trì công ăn việc làm cho người lao động và giữ gìn khối tài sản to lớn của cổ đông.

Mục tiêu lâu dài của Công ty sẽ sớm trở thành một tập đoàn nông nghiệp có quy mô lớn theo hướng công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về môi trường, sinh thái, và tạo ra chuỗi giá trị cây ăn trái nhiệt đới trong ngành nông nghiệp Việt Nam tham gia thị trường toàn cầu.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý Ngân hàng và các Đối tác đã sát cánh cùng chúng tôi trong suốt những năm khó khăn vừa qua và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý vị trong thời gian tới. Sự đồng hành và ủng hộ của quý vị sẽ là động lực để chúng tôi tiếp tục phát triển, theo đuổi sứ mệnh **“Phát triển Nông nghiệp bền vững”**.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã nỗ lực, tâm huyết, đoàn kết và chung sức xây dựng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn này.

**Đoàn Nguyên Đức**  
Chủ tịch HĐQT

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2010

Tiền thân là Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai, được thành lập vào năm 2010. Thời gian đầu sau khi thành lập, Công ty tập trung chủ yếu vào trồng và khai thác cao su, mía đường tại Việt Nam, Lào và Campuchia.

2012  
2014

Từ năm 2012-2014

Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh sang trồng cây cọ dầu và chăn nuôi bò.

2015

Năm 2015

Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai và niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/07/2015.

2016  
2018

Từ năm 2016 - 2018

Công ty thu hẹp lại mảng chăn nuôi bò, chuyển nhượng dự án mía đường và chuyển đổi một số diện tích đất còn dôi dư sang trồng cây ăn trái với các loại quả chính là chuối, xoài, mít, bưởi, thanh long và hơn 15 loại cây ăn trái khác.

2019  
ĐẾN NAY

Từ năm 2019 đến nay

Công ty vẫn đang duy trì chăm sóc và khai thác vườn cây cao su; đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào cây ăn trái. Chiến lược kinh doanh dài hạn của Công ty là tập trung vào trồng, chăm sóc và thu hoạch các loại cây ăn trái, đầu tư chế biến chuyên sâu sau thu hoạch để gia tăng giá trị sản phẩm và đa dạng hoá nguồn cung sản phẩm cho thị trường.



# LỄ KỶ NIỆM HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC

## THACO VÀ HAGL

08/08/2018 – 09/09/2019

Ngày 09/09/2019, Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAGL), HAGL Agrico và Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải (THACO) đã tổ chức lễ kỷ niệm 1 năm hợp tác chiến lược. Buổi lễ có sự tham dự của ông Nguyễn Xuân Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Lãnh đạo một số ban ngành Trung ương Tỉnh, Thành phố, cùng các đối tác của THACO và HAGL.



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### a. Ngành nghề kinh doanh Ngành cây ăn trái

TỪ NĂM 2016, CÔNG TY ĐÃ CHUYỂN HƯỚNG SANG TRỒNG CÂY ĂN TRÁI VÀ XÁC ĐỊNH ĐÂY LÀ MẢNG KINH DOANH CHỦ LỰC ĐEM LẠI DOANH THU BỀN VỮNG CHO CÔNG TY.

TỚI THỜI ĐIỂM 31/12/2019, TỔNG DIỆN TÍCH CÂY ĂN TRÁI ĐÃ TRỒNG LÀ 18.304 HA, TRONG ĐÓ 5.736 HA ĐÃ ĐI VÀO KHAI THÁC.



DIỆN TÍCH TRỒNG CHUỐI  
**7.930HA**

DIỆN TÍCH TRỒNG XOÀI  
**3.267HA**



DIỆN TÍCH TRỒNG MÍT  
**2.110HA**



DIỆN TÍCH TRỒNG BƯỞI  
**1.946HA**



DIỆN TÍCH TRỒNG  
THANH LONG  
**1.076HA**



DIỆN TÍCH TRỒNG CÁC  
LOẠI TRÁI CÂY KHÁC  
**1.975HA**



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tiếp theo)

### a. Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

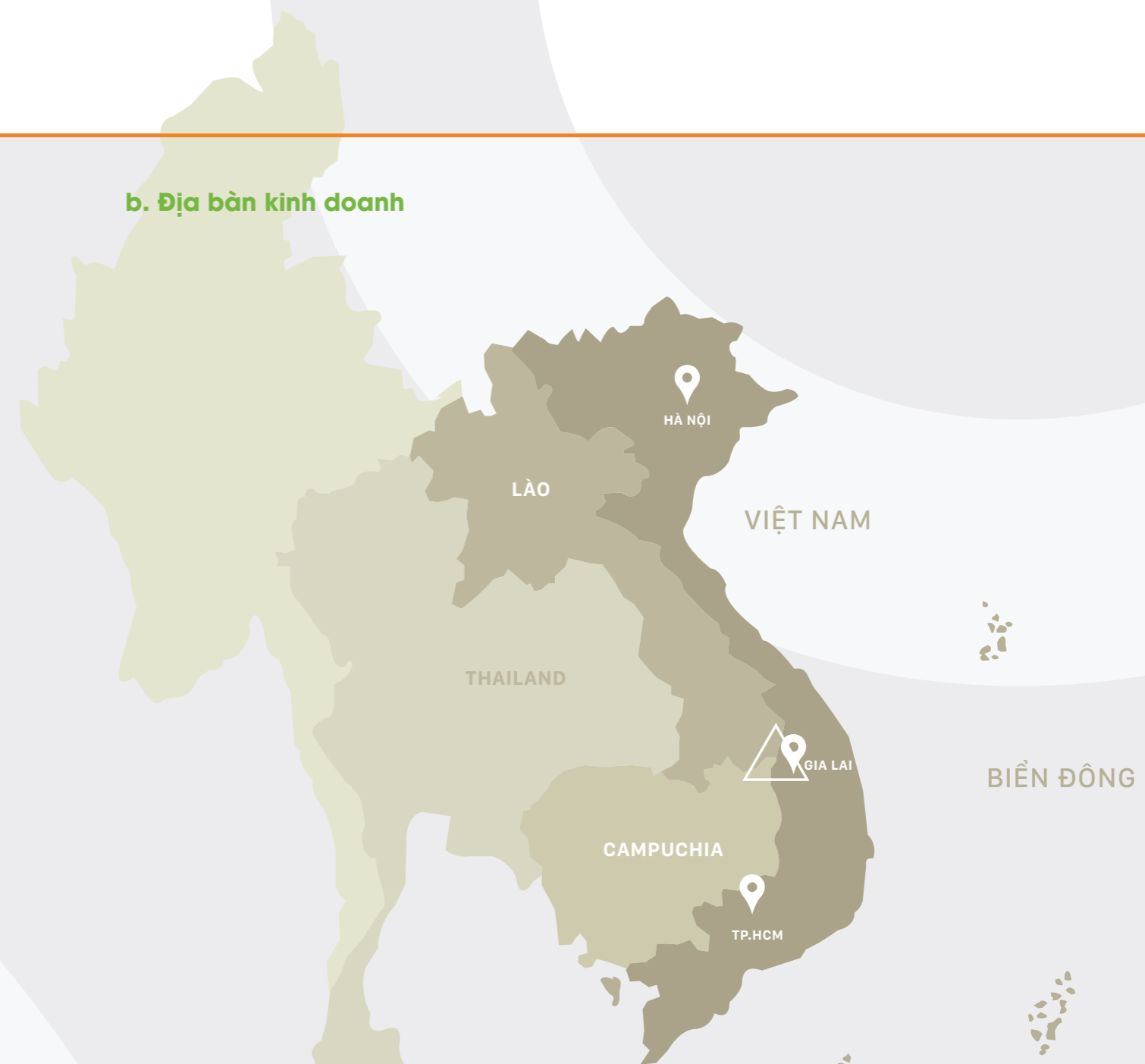


**Chuối tươi đang là sản phẩm chủ đạo mang lại nguồn thu lớn nhất cho Công ty**

### CHUỐI TƯƠI

Chuối tươi đang là sản phẩm chủ đạo mang lại nguồn thu lớn nhất cho Công ty. Với ưu thế về quy mô lớn, nguồn hàng cung ứng đều quanh năm với chất lượng ổn định theo tiêu chuẩn Global GAP, sản phẩm chuối tươi của HAGL Agrico đã có mặt tại hầu hết các chuỗi siêu thị lớn của Trung Quốc. Ngoài ra, Công ty cũng đang dần mở rộng thị trường sang Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, và Singapore.

### b. Địa bàn kinh doanh



**Địa bàn sản xuất kinh doanh của HAGL Agrico nằm trong khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam trong phạm vi khoảng cách khoảng 200km**



# DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

## 1.1. Đầu tư vào các Công ty con

Chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

### 01. Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh

**Trụ sở:** Attapeu, Lào

Vốn điều lệ: 40.000.000 USD

Tỷ lệ sở hữu: 97,77%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su; trồng các loại cây ăn trái và cây gia vị, chăn nuôi trâu bò.

### 02. Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh

**Trụ sở:** Gia Lai, Việt Nam

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu: 97,77%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su, trồng mía, chăn nuôi trâu bò.

### 03. Công ty cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk

**Trụ sở:** Đắk Lắk, Việt Nam

Vốn điều lệ: 320.000.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu: 99,53%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh bất động sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su, hồ tiêu, cà phê.

### 04. Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu

**Trụ sở:** Attapeu, Lào

Vốn điều lệ: 85.000.000 USD

Tỷ lệ sở hữu: 100%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su; trồng cây cọ dầu, chế biến cọ dầu; trồng các loại cây ăn trái.

### 05. Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri

**Trụ sở:** Ratanakiri, Campuchia

Vốn điều lệ: 16.000.000 USD

Tỷ lệ sở hữu: 100%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su.

### 06. Công ty TNHH Heng Brothers

**Trụ sở:** Ratanakiri, Campuchia

Vốn điều lệ: 17.000.000 USD

Tỷ lệ sở hữu: 100%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su.

### 07. Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav

**Trụ sở:** Ratanakiri, Campuchia

Vốn điều lệ: 67.000.000 USD

Tỷ lệ sở hữu: 100%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su, trồng các loại cây ăn trái.

### 08. Công ty TNHH CRD

**Trụ sở:** Ratanakiri, Campuchia

Vốn điều lệ: 57.000.000 USD

Tỷ lệ sở hữu: 100%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su.

### 09. Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas

**Trụ sở:** Ratanakiri, Campuchia

Vốn điều lệ: 42.500.000 USD

Tỷ lệ sở hữu: 97,77%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Trồng cây cọ dầu, chế biến cọ dầu, trồng các loại cây ăn trái.

### 10. Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai

**Trụ sở:** Gia Lai, Việt Nam

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu: 100%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Xuất nhập khẩu các sản phẩm được sản xuất từ mía, đường, cọ dầu, cao su; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng khác.

### 11. Công ty cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên

**Trụ sở:** Gia Lai, Việt Nam

Vốn điều lệ: 550.000.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu: 99%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Chăn nuôi trâu, bò; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi, hoạt động dịch vụ trồng trọt.

### 12. Công ty cổ phần An Đông Mía

**Trụ sở:** Gia Lai, Việt Nam

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu: 99,9%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Trồng cây cao su, cây có hạt, quả chứa dầu.

### 13. Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat

**Trụ sở:** Ratanakiri, Campuchia

Vốn điều lệ: 75.746.953 USD

Tỷ lệ sở hữu: 99,9%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Trồng cây cao su, cây cọ dầu và xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu, trồng các loại cây ăn trái.

13  
CÔNG TY CON

01  
CTY LIÊN KẾT

## 1.2. Đầu tư vào Công ty liên kết

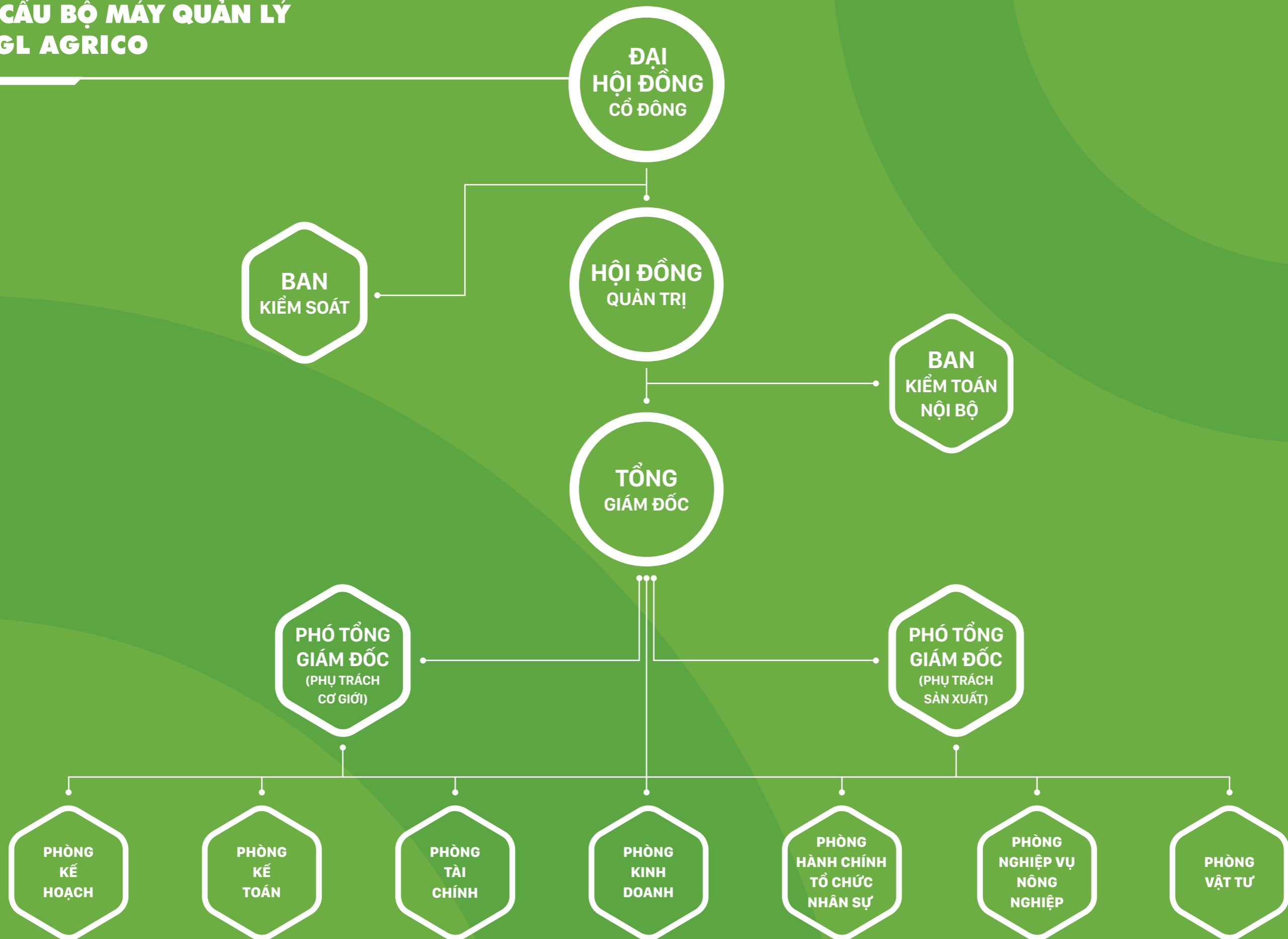
### Công ty cổ phần Cao su Bidiphar

**Giá trị đầu tư:** 315.487.353.000 VND

Tỷ lệ sở hữu: 49,14%

**Lĩnh vực kinh doanh:** Trồng cây cao su.

# CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ HAGL AGRICO



# Định hướng phát triển

Định vị là Công ty nông nghiệp hàng đầu Việt Nam và đẳng cấp khu vực Châu Á.



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

"SẢN  
PHẨM CHỦ  
LỰC LÀ CÂY  
ĂN TRÁI"



"SỬ DỤNG  
CÔNG NGHỆ CAO  
TRONG NÔNG  
NGHIỆP"



## 1. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

- Định vị là Công ty nông nghiệp hàng đầu Việt Nam và đẳng cấp khu vực Châu Á.
- Sử dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để tiết kiệm tài nguyên và tạo ra sự khác biệt.
- Sản phẩm chủ lực là cây ăn trái. Công ty cũng sẽ đầu tư chế biến sâu sau thu hoạch để gia tăng giá trị sản phẩm và đa dạng hoá nguồn cung sản phẩm cho thị trường.
- Lợi ích cốt lõi cho khách hàng là sự an tâm đối với sản phẩm nông nghiệp mang thương hiệu HAGL Agrico do tính rõ ràng và minh bạch trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

## 2. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường và chia sẻ cho cộng đồng xã hội các giá trị lợi ích mà mình thu được từ hoạt động đầu tư và kinh doanh.
- Tạo việc làm ổn định cho người lao động tại địa phương.



## CÁC YẾU TỐ RỦI RO



HAGL Agrico hoạt động đa ngành và trên nhiều lãnh thổ khác nhau, vì vậy có những rủi ro tiềm tàng gắn liền với đặc điểm của từng ngành, từng lãnh thổ và từng điều kiện kinh tế. Do đó, Công ty đã xác định các loại rủi ro và thực hiện các biện pháp để quản lý các rủi ro đó.

### RỦI RO THỊ TRƯỜNG

#### Bản chất

Giá cả các sản phẩm đầu ra của ngành trồng trọt như cao su và cây ăn trái đều có liên thông với thị trường thế giới và biến động hàng ngày, hàng giờ. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến mức lợi nhuận, dòng tiền và tiến độ thu hồi vốn đầu tư.

Hiện thị trường Trung Quốc đang phát triển rất mạnh mẽ và đầy cơ hội nhưng việc HAGL Agrico tập trung xuất khẩu vào một thị trường là tiềm ẩn rủi ro.

#### Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty quản lý rủi ro bằng hệ thống kiểm soát chi phí hiệu quả và ứng dụng Khoa học – Kỹ thuật – Công nghệ để nâng cao năng suất, đảm bảo nhất quán chất lượng sản phẩm áp dụng trong tất cả các ngành nghề kinh doanh. Công ty luôn kiểm soát, đảm bảo chi phí đầu tư và giá thành ở mức thấp nhất. Vì vậy, biên độ lợi nhuận của các sản phẩm đầu ra đủ lớn để có thể duy trì được mức lợi

nhuận tối thiểu cho Công ty trong tình huống giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới biến động mạnh. Ngoài ra, chiến lược đa dạng hóa sản phẩm cũng giúp cho Công ty lấy lợi nhuận của sản phẩm này bù cho sản phẩm khác khi giá cả một loại hàng hóa nào đó giảm trong khi các loại hàng hóa khác không bị ảnh hưởng. Trong tương lai dài, Công ty cũng sẽ nghiên cứu áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro như hợp đồng mua bán kì hạn, hợp đồng mua bán dài hạn ký với các đối tác lớn với giá cố định trước. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ từng bước đa dạng hóa thị trường tiêu thụ sản phẩm, tập trung vào những quốc gia có sức tiêu thụ cao để tránh rủi ro biến động giá của một thị trường.

### RỦI RO TỶ GIÁ

#### Bản chất

Trong những năm gần đây, tỷ giá đồng Việt Nam và ngoại tệ (đặc biệt là đô la Mỹ) biến động không nhiều, nằm trong tầm kiểm soát của ngân hàng Nhà nước, vì vậy không ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn coi trọng công tác quản lý rủi ro tỷ giá và có những biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp, để phòng các ảnh hưởng xấu khi những biến động lớn về tỷ giá có thể xảy ra trong tương lai.

#### Biện pháp hạn chế rủi ro

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm cả xuất khẩu và nhập khẩu, tiến tới xuất khẩu là chủ yếu. Nguồn thu từ xuất khẩu có thể giúp Công ty chủ động hơn trong việc phòng ngừa rủi ro tỷ giá.

Kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài đều được Công ty tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất. Công ty sẽ cân nhắc tái cơ cấu danh mục nợ phù hợp với cơ cấu dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh theo loại tiền tệ.

### RỦI RO LÃI SUẤT

#### Bản chất

Hoạt động kinh doanh của Công ty có nhu cầu vốn lớn để đầu tư vào các dự án. Hơn 40% tổng nguồn vốn này được huy động từ ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty chủ động xây dựng cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu phù hợp với từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh việc huy động từ vốn vay và trái phiếu thương, Công ty còn thực hiện huy động vốn từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi với lãi suất thấp từ nhà đầu tư trong và ngoài nước. Chi phí vốn của các khoản này thường ở mức thấp, được xác định trước và không bị ảnh hưởng lớn bởi biến động lãi suất.

### RỦI RO TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

#### Bản chất

Công ty có những ngành nghề kinh doanh mà thời gian triển khai dự án dài như dự án cao su khoảng 7 năm, cây ăn trái lâu năm: từ 2-3 năm. Công tác triển khai bao gồm thực hiện thủ tục pháp lý về đất đai, môi trường, khai hoang, trồng trọt, xây dựng, chăm bón cây... Các vướng mắc nảy sinh trong bất cứ khâu nào đều có thể ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai toàn dự án, làm chậm tốc độ quay vòng vốn, ảnh hưởng chất lượng cây trồng và sản lượng thu hoạch tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh.

#### Biện pháp hạn chế rủi ro

Với nhiều kinh nghiệm trong quản lý dự án và mối quan hệ tốt với các cơ quan chức năng có liên quan, Công ty luôn chủ động trong kế hoạch triển khai các dự án của mình. Bên cạnh đó, nhờ có nhiều dự án được tiến hành gối đầu nhau, xen kẽ cây ngắn ngày và dài ngày, kế hoạch kinh doanh và tốc độ quay vòng vốn của Công ty không bị phụ thuộc vào từng dự án riêng lẻ.

“ Ngoài ra, chiến lược đa dạng hóa sản phẩm cũng giúp cho Công ty lấy lợi nhuận của sản phẩm này bù cho sản phẩm khác khi giá cả một loại hàng hóa nào đó giảm trong khi các loại hàng hóa khác không bị ảnh hưởng...”

### RỦI RO PHÁP LÝ

#### Bản chất

Là một doanh nghiệp đã niêm yết cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty được chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán, các văn bản Luật và hướng dẫn dưới Luật hiện đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, thị trường nông sản cũng bị chi phối bởi các rào cản thuế quan, kỹ thuật, môi trường và bảo hộ của các quốc gia nhập khẩu.

#### Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty xây dựng bộ phận pháp lý gồm các luật sư có bằng cấp và giàu kinh nghiệm. Bộ phận này thường xuyên cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý nếu có đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để kịp thời tư vấn cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, bộ phận pháp lý còn có trách nhiệm rà soát các văn bản hợp đồng trong những giao dịch hàng ngày của Công ty để hạn chế các rủi ro có liên quan. Có các biện pháp dự báo và đa dạng hóa thị trường đầu ra để tránh bị phụ thuộc một thị trường.

### CÁC RỦI RO PHI HỆ THỐNG KHÁC

#### Bản chất

Ngành kinh doanh nông nghiệp luôn gắn với một hay nhiều rủi ro phi hệ thống khác, chẳng hạn như: dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lụt, hỏa hoạn, v.v. Dù muốn hay không thì các rủi ro này vẫn luôn tồn tại và có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty sẽ từng bước thí điểm áp dụng công nghệ cao trong dự báo thiên tai, dịch bệnh để có các biện pháp ứng phó chủ động. Công ty tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro cho từng ngành và mức thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro. Đồng thời, xác định loại hình dịch vụ bảo hiểm đang có cho loại rủi ro đó và chi phí bảo hiểm. Trên cơ sở đó quyết định tự bảo hiểm hay mua bảo hiểm phù hợp cho từng loại rủi ro. Công ty đã mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro nhà xưởng, bảo hiểm cây trồng cho các nông trường cao su, trái cây và gia vị. Mua bảo hiểm tai nạn lao động cho cán bộ công nhân viên, bảo hiểm trách nhiệm với bên thứ 3.

# THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

## Thông tin Hội đồng Quản trị

### ÔNG ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1963
- Quá trình công tác:  
Từ năm 1992 đến nay:  
Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:  
Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:  
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai



### ÔNG ĐỖ XUÂN ĐIỆN Phó Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1964
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2001 - năm 2009:  
Giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển Kỳ Hà Chu Lai
  - + Từ năm 2009 - năm 2018: Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai
  - + Từ năm 2019 đến nay:  
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi - Phó Chủ tịch HĐQT HAGL Agrico
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:  
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi



### ÔNG VÕ TRƯỜNG SƠN Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn:  
Thạc sỹ tài chính, bằng CFA, Cử nhân Luật, Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA), Hội viên Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)
- Quá trình công tác:
  - + Từ tháng 8/1996 đến tháng 11/2003: Công tác tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn A&C
  - + Từ tháng 11/2003 đến tháng 10/2008: Chủ nhiệm kiểm toán cao cấp tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
  - + Từ tháng 10/2008 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:  
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai



01. Ông Đoàn Nguyễn Đức Chủ tịch HĐQT	05. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh Thành viên HĐQT
02. Ông Đỗ Xuân Điện Phó Chủ tịch HĐQT	06. Bà Võ Thị Huyền Lan Thành viên HĐQT
03. Ông Võ Trường Sơn Thành viên HĐQT	07. Ông Nguyễn Quan Anh Thành viên HĐQT
04. Ông Trần Bảo Sơn Thành viên HĐQT	

## THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

### Thông tin Hội đồng Quản trị (tiếp theo)



**ÔNG TRẦN BẢO SƠN**  
Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh – Trường Đại học Kinh doanh & Công nghệ Hà Nội
- Quá trình công tác:
  - + Từ 01/05/1997 - 31/12/1999: Kỹ thuật viên Chi nhánh Đà Nẵng - THACO
  - + Từ 01/01/2000 - 30/06/2004: Trưởng Phòng Kinh doanh Showroom Kia Long Biên - THACO
  - + Từ 01/07/2004 - 07/08/2006: Giám đốc Chi nhánh Showroom Cần Thơ - THACO
  - + Từ 08/08/2006 - 30/04/2008: Giám đốc Chi nhánh Showroom Kia Long Biên - THACO
  - + Từ 01/05/2008 - 31/03/2009: Giám đốc Khu vực Chi nhánh MD Khu vực Bắc Bộ - THACO
  - + Từ 01/04/2009 - 30/06/2009: Giám đốc Khu vực VPQT Khu vực Bắc Bộ - THACO
  - + Từ 01/07/2009 - 30/06/2010: Giám đốc Khu vực Chi nhánh MD Khu vực Bắc Bộ - THACO
  - + Từ 01/07/2010 - 18/04/2018: Giám đốc Khu vực Bắc Bộ - THACO
  - + Từ 19/04/2018 đến nay: Phó Tổng Giám đốc THACO
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc - THACO



**BÀ VÕ THỊ HUYỀN LAN**  
Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM, MBA Thương mại Cao cấp HEC - Pháp, Thạc sỹ Tài chính Đại học Paris Dauphine - Pháp
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1996 đến năm 1998: Kế toán trưởng Công ty Prezioso
  - + Từ năm 1998 đến năm 2002: Kế toán trưởng Công ty Espace Bourbon An Lạc Việt Nam
  - + Từ năm 2002 đến năm 2006: Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính hệ thống Siêu thị BigC Việt Nam
  - + Từ năm 2007 đến nay: Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - + Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bourbon Bến Lức
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai



**BÀ VÕ THỊ MỸ HẠNH**  
Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2001 đến 2006: Trưởng phòng kinh doanh của Xí nghiệp tư doanh Hoàng Anh
  - + Từ năm 2006 đến 2008: Phó Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Gỗ nội thất Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ tháng 1 đến tháng 4/2009: Phó Phòng Kế hoạch đầu tư và Dự án của Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ tháng 4 năm 2009: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ tháng 12/2014 đến tháng 4/2017: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ tháng 2/2015 đến tháng 5/2017: Phó Giám đốc tài chính Bệnh viện Đại học Y dược Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ tháng 5/2017: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai



**ÔNG NGUYỄN QUAN ANH**  
Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1969
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1993 đến năm 2005: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh
  - + Từ năm 2006 đến năm 2009: Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Gỗ xuất khẩu Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ năm 2010 đến tháng 6/2012: Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai
  - + Từ năm 2013 đến 2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai, Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Kon Tum
  - + Từ năm 2016 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc



## THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

### Thông tin Ban Tổng Giám đốc

**BÀ VÕ THỊ MỸ HẠNH**  
Tổng Giám đốc

(Xem thông tin trong HĐQT)



**ÔNG NGUYỄN QUAN ANH**  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất

(Xem thông tin trong HĐQT)



**ÔNG TRẦN BẢO SƠN**  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Cơ giới hóa

(Xem thông tin trong HĐQT)



BAN TỔNG  
GIÁM ĐỐC

01. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh  
Tổng Giám đốc

02. Ông Nguyễn Quan Anh  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất

03. Ông Trần Bảo Sơn  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Cơ giới hóa

# THÔNG TIN BAN KIỂM SOÁT

## Ban kiểm soát

**ÔNG NGUYỄN ĐỨC QUANG**  
Trưởng Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1988
- Trình độ chuyên môn: Chứng chỉ ACCA, Chứng chỉ Kiểm toán viên Việt Nam CPA
- Quá trình công tác:  
+ Từ tháng 12/2017 - Tháng 12/2019: Kế toán trưởng, Công ty Hoàng Anh Gia Lai Myanmar
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Trưởng Ban kiểm soát



**ÔNG ĐẶNG CÔNG TRỰC**  
Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Apollos (USA), Cử nhân kinh tế - Đại học Kinh Tế Tp.HCM
- Quá trình công tác:  
+ Từ 01/04/2006 - 31/12/2006: Phụ trách Tư vấn Tài chính kế toán - Ban Tư vấn - Kiểm toán nội bộ - THACO  
+ Từ 01/01/2007 - 20/06/2013: Trưởng ban Tư vấn & Kiểm soát nội bộ - Ban Tư vấn - Kiểm toán nội bộ - THACO  
+ Từ 21/06/2013 - 31/12/2013: Thành viên Ban kiểm soát - Ban Tư vấn - Kiểm toán nội bộ - THACO  
+ Từ 01/01/2014 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát - THACO
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên Ban kiểm soát



**ÔNG PHẠM NGỌC CHÂU**  
Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:  
+ Từ năm 2001 đến năm 2003: Làm việc tại Công ty cổ phần Phát Triển Sản Xuất Thương Mại Sài Gòn  
+ Từ năm 2004 đến năm 2007: Làm việc tại Công ty TNHH Âu Á  
+ Từ năm 2008 đến năm 2012: Làm việc tại Công ty cổ phần Quản lý Bất động sản Hoàng Anh Gia Lai  
+ Từ năm 2012 đến nay: Làm việc tại Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên Ban kiểm soát



01. Ông Nguyễn Đức Quang  
Trưởng Ban kiểm soát

02. Ông Đặng Công Trục  
Thành viên Ban kiểm soát

03. Ông Phạm Ngọc Châu  
Thành viên Ban kiểm soát



## Tình hình hoạt động trong năm

Trong năm, Công ty đã thực hiện công tác tái cơ cấu mạnh mẽ nhất với các hoạt động như thanh lý tài sản không hiệu quả, chuyển đổi phần lớn diện tích trồng cọ dầu sang trồng cây ăn trái và chuyển nhượng một số Công ty con...



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

## 01. Kết quả kinh doanh năm 2019 so với năm 2018

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2019 đã có nhiều biến động lớn như thanh lý tài sản không hiệu quả, chuyển đổi phần lớn diện tích trồng cọ dầu sang trồng cây ăn trái và chuyển nhượng một số Công ty con. Tuy nhiên, nhờ việc mạnh tay vào công tác tái cơ cấu tài chính và tinh lọc hoạt động như vậy, Công ty mới giảm bớt gánh nặng lãi vay, tạo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh và tập trung nguồn lực vào mảng kinh doanh cốt lõi là cây ăn trái.

### Kết quả kinh doanh của năm 2019 so với năm 2018:

ĐVT: tỷ VND

Chỉ tiêu	2019	2018	% thực hiện 2019 so với 2018
Doanh thu thuần	1.811	3.688	-50,9%
(Lỗ) Lợi nhuận trước thuế	(2.375)	(626)	-279,4%
(Lỗ) Lợi nhuận sau thuế	(2.444)	(656)	-272,6%



### Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực ngành nghề:

ĐVT: tỷ VND

STT	NGÀNH NGHỀ	2019	2018	% thực hiện năm 2019 so với 2018
1	Cây ăn trái	1.242	2.351	-47,2%
2	Cao su	342	345	-0,9%
3	Sản phẩm, hàng hóa	177	292	-39,4%
4	Gia vị	40	535	-92,5%
5	Căn hộ và cung cấp dịch vụ	10	38	-73,7%
6	Chăn nuôi	-	127	-100%
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.811</b>	<b>3.688</b>	<b>-50,9%</b>

Doanh thu bán cây ăn trái đạt 1.242 tỷ đồng, giảm 47,2% so với năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm Công ty đã chuyển nhượng một số dự án cho THADI.

Doanh thu bán cao su đạt 342 tỷ đồng, giảm 0,9% so với năm 2018. Mặc dù giá mủ cao su có tăng trở lại nhưng mức tăng không đáng kể nên Công ty chỉ khai thác ở mức vừa phải để duy trì chi phí chăm sóc vườn cây.

Doanh thu sản phẩm và hàng hóa đạt 177 tỷ đồng, giảm 39,4% so với năm 2018. Nguyên nhân do trong năm Công ty không phát sinh doanh thu các phụ phẩm từ chăn nuôi.

Doanh thu bán ớt và tiêu đạt 40 tỷ đồng, giảm 92,5% so với năm 2018. Nguyên nhân do năm 2019 Công ty giảm diện tích những vườn cây này để tập trung vào cây ăn trái.

Doanh thu từ bán căn hộ và cung cấp dịch vụ đạt 10 tỷ đồng, giảm 73,7% so với năm 2018. Nguyên nhân do Công ty đã bán hết căn hộ trong năm 2018.

Doanh thu từ bò không phát sinh vì Công ty đã thu hẹp và dừng mảng kinh doanh này từ cuối năm 2018

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM (tiếp theo)

## 2. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài chính

ĐVT: tỷ VND

Chỉ tiêu	2019	2018	Tăng/Giảm 2018
<b>Tổng giá trị tài sản</b>	<b>23.280</b>	<b>30.532</b>	<b>-23,75%</b>
Vay và nợ ngắn hạn	4.655	5.879	-20,82%
Nợ ngắn hạn khác	3.258	2.635	23,64%
Vay và nợ dài hạn	4.550	9.551	-52,36%
Nợ dài hạn khác	1.079	1.791	-39,75%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>13.542</b>	<b>19.856</b>	<b>-31,80%</b>

### Tình hình tài sản

Tại ngày 31/12/2019, tổng tài sản được ghi nhận là 23.280 tỷ đồng, giảm 23,75% so với năm 2018. Nguyên nhân do chuyển nhượng một số Công ty con cho đối tác và Công ty đã điều chỉnh chi phí đầu tư một số vườn cây cao su, cọ dầu vào chi phí do chuyển đổi mục đích sang trồng cây ăn trái.

### Tình hình nợ phải trả:

Tại ngày 31/12/2019, tổng các khoản nợ vay và phải trả giảm xuống còn 13.542 tỷ đồng so với mức 19.856 tỷ đồng vào cuối năm 2018. Nguyên nhân các khoản nợ vay và phải trả giảm mạnh là kết quả của việc hợp tác đầu tư toàn diện với Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO"). Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông trị giá 2.217 tỷ đồng, qua đó tăng vốn điều lệ lên 11.086 tỷ đồng và chuyển nhượng một số Công ty con cho Công ty Cổ phần Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi - một thành viên của THACO với giá trị lên đến 6.996 tỷ đồng, phần lớn dòng tiền này được Công ty cơ cấu lại nợ và đầu tư trồng mới cây ăn trái.

### b. Chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2018	2019
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,49	0,49
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,34	0,22
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,65	0,58
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,86	1,39
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	1,90	0,92
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	0,12	0,07
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-17,79	-134,95
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	-6,30	-23,94
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	-2,09	-9,08
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,15	-53,40

## 3. Tiến độ thực hiện dự án

Từ năm 2016 Công ty đã chuyển hướng sang trồng cây ăn trái với quy mô tiêu thụ lớn, thời gian thu hoạch ngắn và hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó, Công ty vẫn duy trì chăm sóc vườn cây cao su cho mục tiêu dài hạn.

Năm 2019 vừa qua, HAGL Agrico tiếp tục kiên trì thực hiện chiến lược thông qua các hoạt động chuyển đổi diện tích cây trồng không phù hợp, đa dạng hóa sản phẩm, tích cực khai thác thị trường tiêu thụ trái cây tiềm năng nhất thế giới hiện tại là Trung Quốc.



### Đối với cây Cao su

Công ty vẫn duy trì chăm sóc 31.085 ha và khai thác các vườn cây đến tuổi.

**31.085 HA**



### Đối với cây ăn trái

Công ty đã tiến hành chuyển đổi một số vườn cây cao su, cọ dầu kém hiệu quả tại Việt Nam, Lào và Campuchia để chuyển sang trồng cây ăn trái. Đến nay, Công ty đã trồng được 18.305 ha, trong đó 5.736 ha đã đi vào khai thác với các sản phẩm chủ lực là Chuối, Xoài, Mít, Bưởi và Thanh long. Đây là các loại cây ăn trái phù hợp với khí hậu nhiệt đới, ngắn ngày và mang lại giá trị kinh tế cao.

**18.305 HA**

## 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a. Cổ phần (theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/03/2020)

Số lượng cổ phần	:	1.108.553.895	cổ phần
Mệnh giá cổ phần	:	10.000	đồng
Số cổ phần ưu đãi	:	-	cổ phần
Số cổ phần phổ thông	:	1.108.553.895	cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành	:	1.108.553.895	cổ phần
Số cổ phiếu quỹ	:	-	cổ phần
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	:	1.108.553.895	cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	:	-	cổ phần

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM (tiếp theo)

### 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tiếp theo)

#### b. Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ/Vốn điều lệ (%)
<b>Cổ đông nhà nước</b>	-	-	-
<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.714</b>	<b>1.105.078.155</b>	<b>99,69</b>
- Tổ chức	20	966.770.655	87,21
- Cá nhân	1.694	138.307.500	12,48
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>42</b>	<b>3.475.740</b>	<b>0,31</b>
- Tổ chức	13	3.320.640	0,30
- Cá nhân	29	155.100	0,01
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.756</b>	<b>1.108.553.895</b>	<b>100</b>

#### c. Danh sách cổ đông lớn

- 01. Tên tổ chức/Cá nhân** : Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai  
Số ĐKDN/CMND/Hộ chiếu : 5900377720  
Địa chỉ : 15 Trường Chinh, P. Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai  
Số lượng cổ phần đang nắm giữ : 452.665.840  
Tỷ lệ nắm giữ/Vốn điều lệ (%) : 40,83
- 
- 02. Tên tổ chức/Cá nhân** : Công Ty cổ phần Ô tô Trường Hải  
Số ĐKDN/CMND/Hộ chiếu : 3600252847  
Địa chỉ : Số 19, KCN Biên Hòa 2, đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa  
Số lượng cổ phần đang nắm giữ : 291.388.000  
Tỷ lệ nắm giữ/Vốn điều lệ (%) : 26,29
- 
- 03. Tên tổ chức/Cá nhân** : Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai  
Số ĐKDN/CMND/Hộ chiếu : 5901046432  
Địa chỉ : 15 Trường Chinh, P. Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai  
Số lượng cổ phần đang nắm giữ : 93.145.000  
Tỷ lệ nắm giữ/Vốn điều lệ (%) : 8,40

#### d. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tháng 8/2019 Công ty đã hoàn thành việc chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi (phát hành năm 2018) sang cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 11.085.538.950.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: trong năm 2019 Công ty không giao dịch cổ phiếu quỹ.



# Báo cáo đánh giá của ban Tổng giám đốc



# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## 01. Đánh giá chung về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

### a. Doanh thu thuần

Năm 2019, Công ty đạt mức doanh thu thuần 1.811 tỷ đồng, giảm 50,9% so với năm 2018, nguyên nhân trong năm Công ty đã tiến hành chuyển nhượng một số Công ty con cho THADI để tái cấu trúc tài chính. Doanh thu đến từ bán trái cây và mù cao su chiếm 87,5%, còn lại 12,5% doanh thu từ bán hàng hóa, tiêu, ớt, căn hộ và dịch vụ. Cụ thể:

1.242 TỶ ĐỒNG	342 TỶ ĐỒNG	227 TỶ ĐỒNG
Đóng góp lớn nhất cho doanh thu đến từ ngành trái cây, với 1.242 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 68,6% trong cơ cấu tổng doanh thu.	Đứng thứ hai là doanh thu bán mù cao su, với 342 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 18,9% trong cơ cấu tổng doanh thu.	Còn lại 227 tỷ đồng doanh thu từ bán hàng hóa, tiêu, ớt, căn hộ và dịch vụ, đóng góp 12,5% trong cơ cấu tổng doanh thu.

### b. Lỗ sau thuế

Năm 2019 là 2.444 tỷ đồng. Nguyên nhân lỗ chủ yếu do:

Chi phí lãi vay lớn, đánh giá lại các tài sản không hiệu quả và điều chỉnh chi phí đầu tư vườn cây do chuyển đổi mục đích sang trồng cây ăn trái.

Nhóm Công ty không còn hợp nhất doanh thu từ nhóm các Công ty Đông Dương, Đông Pênh và Cao su Trung Nguyên.

## 02. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản

Tiêu chí	2019	2018	Tăng/giảm 2018
<b>Tổng giá trị tài sản</b>	<b>23.280</b>	<b>30.532</b>	<b>-23,75%</b>
Tài sản ngắn hạn	3.872	4.178	-7,30%
Tài sản dài hạn	19.408	26.354	-26,36%

Tại ngày 31/12/2019, tổng tài sản được ghi nhận là 23.280 tỷ đồng, giảm 23,75% so với năm 2018, nguyên nhân do nợ vay giảm và Công ty đã thanh lý bất tài sản không hiệu quả.

### b. Tình hình nợ phải trả

Tiêu chí	2019	2018	Tăng/giảm 2018
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>7.913</b>	<b>8.514</b>	<b>-7,06%</b>
- Vay ngắn hạn	4.655	5.879	-20,82%
- Nợ phải trả ngắn hạn khác	3.258	2.635	23,64%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>5.629</b>	<b>11.342</b>	<b>-50,37%</b>
- Vay dài hạn	4.550	9.551	-52,36%
- Nợ phải trả dài hạn khác	1.079	1.791	-39,75%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>13.542</b>	<b>19.856</b>	<b>-31,80%</b>

Tại ngày 31/12/2019, tổng nợ phải trả là 13.542 tỷ đồng, giảm 31,80% tương đương giảm 6.314 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018. Hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu 1,86 lần vào cuối năm 2018 so với 1,39 lần vào cuối năm 2019, cho thấy khả năng thanh toán nợ của HAGL Agrico có sự thay đổi lớn chuyển biến tích cực, hoạt động kinh doanh của Công ty đang dần ổn định và hồi phục.

## 03. Kế hoạch trong năm 2020

- Tiếp tục mở rộng diện tích cây ăn trái. Sản phẩm chủ đạo xuất bán ra thị trường ưu tiên trái cây tươi, tiếp theo là sản phẩm sấy khô và nước ép.
- Tiếp tục chăm sóc vườn cây cao su, đợi khi giá hồi phục sẽ đẩy mạnh khai thác.
- Thu xếp nguồn vốn và dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn.
- Triển khai các chiến lược kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị đề ra.

## 04. Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán

Trong BCTC đã kiểm toán 2019, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc Nhóm Công ty đã ghi nhận một khoản thu nhập khác từ việc hoàn nhập chi phí dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với tổng số tiền là 192.397.024 ngàn VND căn cứ vào quy định tại Khoản 3, điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ("NĐ 20"), quy định về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017. Đồng thời, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty không ghi nhận khoản dự phòng thuế TNDN tương tự theo quy định hiện tại của NĐ 20 với số tiền là 39.385.614 ngàn VND.

Lý do mà kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ là đến ngày lập BCTC hợp nhất năm 2019 được kiểm toán, văn bản sửa đổi NĐ 20 vẫn chưa được ban hành chính thức.

Công ty hoàn nhập 192.397.024 ngàn VND và không trích dự phòng 39.385.614 ngàn VND chi phí thuế TNDN liên quan đến NĐ 20 là do dựa trên thực tiễn Công ty bị lỗ nặng trong các năm 2017, 2018 và 2019, cụ thể như sau:

Báo cáo tài chính riêng	Tổng số lỗ trước thuế
Năm 2017	9.161.050
Năm 2018	171.752.975
Năm 2019	1.175.601.868

Chúng tôi hiểu rằng mục đích của NĐ 20 là chống chuyển giá và đối tượng của thuế TNDN là thu thuế trên lợi nhuận chịu thuế "hợp lý". Tuy nhiên, Công ty không phải là đối tượng của chống chuyển giá và cũng đang bị lỗ nặng nên việc Công ty phải nộp thuế TNDN do bị loại chi phí lãi vay phát sinh (NĐ 20 loại cả lãi vay của ngân hàng độc lập và cũng không cho bù trừ với thu nhập lãi cho vay lại) vượt 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay và chi phí khấu hao trong năm là không hợp lý. Chúng tôi sẽ tiếp tục kiến nghị với Chính phủ và tin tưởng rằng Chính phủ sẽ xem xét thấu đáo vấn đề.



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

## 01. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Về tình hình đầu tư, đến cuối năm 2019 HAGL Agrico đã trồng được 18.304 ha cây ăn trái. Trong đó, diện tích trồng chuối chiếm gần một nửa, góp phần chủ lực trong việc tạo ra doanh thu của năm 2019 và sẽ tiếp tục tăng trưởng trong các năm tiếp theo. Các loại cây ăn trái khác như mít và xoài đã cho thu hoạch và có triển vọng tốt, tạo nền tảng tăng trưởng doanh thu trong thời gian tới.

Về hoạt động tái cơ cấu sản xuất kinh doanh và tài chính, HAGL Agrico đã chuyển nhượng bớt các công ty con thuộc nhóm Cao Su Đông Dương, Đông Pênh Agrico và Cao su Trung Nguyên để tạo nguồn thanh khoản, trả bớt nợ vay ngân hàng và đẩy mạnh đầu tư cho vườn cây ăn trái. Đến cuối năm 2019, tổng số dư nợ vay ngân hàng giảm xuống còn 4.924 tỷ đồng (số dư đầu năm là 7.802 tỷ đồng).

Về kết quả hoạt động kinh doanh, do HAGL Agrico đang trong giai đoạn đầu tư chuyển đổi ngành nghề và cơ cấu cây trồng nên phát sinh các khoản lỗ do chi phí chuyển đổi vườn cây và chi phí thanh lý các tài sản gắn liền với vườn cây cũ, trong khi hơn một nửa diện tích cây ăn trái đang trong giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản. Các khoản lỗ này sẽ giảm dần và Công ty sẽ nỗ lực để chuyển sang trạng thái có lợi nhuận trong thời gian sớm nhất.

## 02. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý và các cuộc họp bất thường, HĐQT đã thẳng thắn chất vấn và trao đổi cùng Ban Tổng Giám đốc các hoạt động trong việc thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh và các mục tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt. Mặt khác, Ban Tổng Giám đốc cũng thường xuyên trao đổi, chủ động báo cáo đầy đủ lên HĐQT về tiến độ thực hiện các công việc cũng như các khó khăn, vướng mắc gặp phải để kịp thời bàn bạc, xin ý kiến HĐQT đưa ra.

Mặc dù kết quả lợi nhuận chưa đạt được theo kế hoạch, nhưng Ban TGD đã hoàn thành tốt các công việc được giao, cụ thể:

- Hoàn tất thủ tục chuyển nhượng các công ty con;
- Thực hiện tái cơ cấu tài chính, giảm đáng kể số dư nợ vay;
- Hoàn tất việc chuyển đổi vườn cây cao su, cọ dầu sang trồng cây ăn trái;
- Thực hiện các biện pháp khắc phục sự cố ngập lụt 1.200 ha chuối vào cuối năm 2019;
- Triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong việc trồng, chăm sóc và khai thác các vườn cây ăn trái.



## 03. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

### Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Tập trung nguồn lực vào mảng cây ăn trái và tiếp tục nỗ lực tạo ra nền tảng và đảm bảo ổn định trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp nhằm tạo ra doanh thu và lợi nhuận.

Tiến hành sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn và chuyên biệt theo nhóm cây trồng, đặt trọng tâm vào việc ứng dụng công nghệ mới nhất để hoàn thiện kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản trái cây, cải thiện năng suất và tăng tỷ lệ trái cây loại 1 lên mức cao nhất.



### Về tài chính

Cân đối nguồn vốn để chuyển đổi toàn bộ diện tích cây cọ dầu và một phần cây cao su sang cây ăn trái, nhằm đảm bảo mang lại dòng tiền trong tương lai.

Thanh toán bớt các khoản nợ tới hạn của ngân hàng, cân đối dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



### Về hệ thống quản trị

Công ty sẽ tiếp tục áp dụng các phần mềm quản lý để tiến đến nền tảng công nghệ quản trị cho toàn chuỗi giá trị sản xuất để đảm bảo các nguồn lực được sử dụng hiệu quả cao và khoa học giúp giảm đáng kể hao hụt, lãng phí tài nguyên doanh nghiệp.



# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

## I. THÀNH VIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019

### 01. Thành viên Ban Kiểm soát

Trong năm 2019, BKS hoạt động với các thành viên cụ thể như sau:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Ông Nguyễn Đức Quang	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

### 02. Các hoạt động của BKS trong năm 2019

Trong năm 2019, BKS đã thực hiện giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong phạm vi quyền và nghĩa vụ theo luật định và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Tham dự các cuộc họp của Công ty, nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh và kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty;
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019;
- Đánh giá công tác quản lý điều hành, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc dựa trên Nghị quyết và định hướng của HĐQT;
- Thẩm tra Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty, thảo luận với Công ty Kiểm toán về Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019;
- Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

HĐQT và Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình. BKS đã có sự phối hợp tốt với HĐQT, Ban Giám đốc nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh để tham gia đóng góp ý kiến trên nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông.

## II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019

### 01. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

#### Kết quả kinh doanh năm 2019

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019 (*)	% đạt so với kế hoạch
- Doanh thu thuần	1.811	4.775	38%
- Lợi nhuận gộp	213	2.141	10%
- Lợi nhuận trước thuế	(2.375)	103	

#### Kết quả thẩm tra tình hình tài chính của Công ty

BKS đã thảo luận với Công ty Kiểm toán về phạm vi và kết quả kiểm toán, đồng thời thực hiện rà soát, phân tích các khoản mục trọng yếu trên Báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tăng/ (giảm)	%
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>23.280</b>	<b>30.532</b>	<b>(7.252)</b>	<b>-24%</b>
1. Tài sản ngắn hạn	3.872	4.178	(306)	-7%
2. Tài sản dài hạn	19.408	26.354	(6.946)	-26%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>23.280</b>	<b>30.532</b>	<b>(7.252)</b>	<b>-24%</b>
1. Nợ phải trả	13.543	19.856	(6.313)	-32%
- Nợ ngắn hạn	7.913	8.514	(601)	-7%
- Nợ dài hạn	5.630	11.342	(5.712)	-50%
2. Vốn chủ sở hữu	9.737	10.676	(939)	-9%

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

## 02. Kết quả giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019

STT	Nội dung nghị quyết	Thực hiện năm 2019
<b>01</b>	<b>2604/19/NQĐHĐCĐ -HAGL Agrico, ngày 26/04/2019</b>	
1.1	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần năm 2019 là 1.811 tỷ đồng, đạt 38% so với kế hoạch</li> <li>- Lợi nhuận gộp trong năm 2019 là 213 tỷ đồng, đạt 10% so với kế hoạch</li> <li>- Lỗ trước thuế trong năm 2019 là 2.375 tỷ đồng; kế hoạch là lãi 103 tỷ đồng</li> </ul>
1.2	<p>Thông qua kế hoạch đầu tư tài chính năm 2019.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát các mảng hoạt động kinh doanh, đánh giá tính hiệu quả của tài sản.</li> <li>- Tập trung phát triển mảng cây ăn trái thông qua việc tăng diện tích trồng, mở rộng thị trường xuất khẩu, đầu tư công nghệ chế biến và đa dạng hóa sản phẩm.</li> <li>- Duy trì chăm sóc vườn cây cao su.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày 17/06/2019, HĐQT đã thông qua Nghị quyết số 1706/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương, chiếm 100% vốn điều lệ, cho CTCP Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp THADI ("THADI").</li> <li>- Ngày 19/08/2019, HĐQT đã thông qua Nghị quyết số 1908-1/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu bởi Công ty tại Công ty TNHH Đông Pênh, chiếm 99,875% vốn điều lệ, cho THADI.</li> <li>- Ngày 09/09/2019, HĐQT đã thông qua Nghị quyết số 0909/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu bởi Công ty tại Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên, chiếm 100% vốn điều lệ, cho THADI.</li> <li>- Công ty đang tiếp tục phát triển mảng cây ăn trái và duy trì chăm sóc vườn cây cao su theo kế hoạch của NQĐHĐCĐ đã đưa ra.</li> </ul>
1.3	Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích quỹ và thù lao HĐQT, BKS và Ban Thư ký năm 2019.	- Đã thực hiện theo đúng NQĐHĐCĐ đã thông qua.
<b>02</b>	<b>0605/18/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico, ngày 06/05/2018</b>	
2.1	Thông qua Phương án chào bán trái phiếu ra công chúng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã hoàn thành phương án chào bán trái phiếu ra công chúng vào ngày 07/08/2018.</li> <li>- Ngày 30/7/2019, HĐQT đã thông qua Nghị quyết số 3007/19/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi của Công ty theo NQĐHĐCĐ số 0605/18/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico. Việc chuyển đổi hoàn thành vào ngày 9/8/2019.</li> </ul>



## 03. Kết quả giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hằng quý và bất thường theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.
- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
- HĐQT đã chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Ban Tổng Giám đốc đã chủ động lập kế hoạch và tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng của HĐQT; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động.

## 04. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020

- Tham dự các cuộc họp của Công ty, nắm bắt kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Giám sát HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được các chỉ tiêu theo Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Thẩm tra Báo cáo tài chính định kỳ, trong đó tập trung các vấn đề liên quan đến các khoản đầu tư, tình hình quản lý sử dụng vốn, kế hoạch dòng tiền.
- Các công việc khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

## 01. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số cổ phiếu (**)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
01	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	15/06/2010		
02	Ông Đỗ Xuân Diện (*)	Phó chủ tịch	26/04/2019		
03	Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	04/04/2015	505.000	0,05%
04	Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên kiêm TGD	30/06/2017	505.000	0,05%
05	Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên kiêm Phó TGD	17/09/2018		
06	Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	04/04/2015		
07	Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên kiêm Phó TGD	04/04/2015	5.000	0,0005%
08	Ông Nguyễn Hùng Minh (*)	Thành viên	17/09/2018	24.388.880	2,2%

(\*) Ngày 26/04/2019 Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Hùng Minh, đồng thời bầu Ông Đỗ Xuân Diện giữ chức vụ thành viên HĐQT. Ngày 14/05/2019, HĐQT đã thông qua việc bầu Ông Đỗ Xuân Diện giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT phụ trách chiến lược Công ty.

(\*\*) Theo Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 31/03/2020.

## 02. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2019, HĐQT đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc về các nội dung sau:

- Chỉ đạo việc chuyển nhượng phần vốn góp tại một số công ty con;
- Thực hiện chỉ đạo tái cơ cấu tài chính để giảm nợ;
- Chỉ đạo triển khai chuyển đổi Trái phiếu phát hành năm 2018 thành cổ phiếu; lưu ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu từ chuyển đổi trái phiếu;
- Chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong việc trồng, chăm sóc và khai thác các vườn cây ăn trái, vườn cây cao su. Đặc biệt HĐQT đã chỉ đạo sát sao để kịp thời đưa ra giải pháp khắc phục sự cố ngập lụt vườn cây ăn trái tại Lào do ảnh hưởng bởi thiên tai vào tháng 9/2019;
- Chỉ đạo thực hiện Báo cáo thường niên 2018 và các Báo cáo tài chính;
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.

## 2.1 Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 10 cuộc họp, với sự tham dự của các Thành viên HĐQT như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ họp tham dự	Lý do không tham dự họp
01	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	15/06/2010	10/10	100%	
02	Ông Đỗ Xuân Diện	Phó chủ tịch	26/04/2019	9/10	100%	Bổ nhiệm từ ngày 26/04/19
03	Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	04/04/2015	10/10	100%	
04	Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	30/06/2017	10/10	100%	
05	Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	17/09/2018	10/10	100%	
06	Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	04/04/2015	10/10	100%	
07	Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	04/04/2015	10/10	100%	
08	Ông Nguyễn Hùng Minh	Thành viên	17/09/2018	1/10	100%	Miễn nhiệm từ ngày 26/04/19



## QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

### 02. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

#### 2.2. Các Nghị quyết của HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	1903/19/NQ HĐQT - HAGL Agrico	19/03/2019	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
02	1405/19/NQ HĐQT - HAGL Agrico	14/05/2019	Thông qua việc bầu Phó Chủ tịch HĐQT Công ty.
03	2105/19/NQ HĐQT - HAGL Agrico	21/05/2019	Thông qua mức thù lao năm 2019 của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban thư ký Công ty.
04	1706/19/NQ HĐQT - HAGL Agrico	17/06/2019	Thông qua việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương.
05	0407/19/NQ HĐQT - HAGL Agrico	04/07/2019	Thông qua việc chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên 2019.
06	3007/19/NQ HĐQT - HAGL Agrico	30/07/2019	Thông qua việc triển khai chuyển đổi trái phiếu
07	1908/19/NQ HĐQT - HAGL Agrico	19/08/2019	Thông qua việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Đồng Pênh.
08	0909/19/NQ HĐQT - HAGL Agrico	09/09/2019	Thông qua việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên.
09	0310/19/NQ HĐQT - HAGL Agrico	03/10/2019	Thông qua việc chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2019.
10	2210/19/NQ HĐQT - HAGL Agrico	22/10/2019	Thông qua việc bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty.

### 03. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS

#### 3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban TGD và BKS

Năm 2019, tổng mức lương, thưởng, thù lao chi trả cho HĐQT, Ban TGD và BKS là 4,8 tỷ đồng. Cụ thể được trình bày tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019, phần Thuyết minh, mục 33 "Nghị vụ với các bên liên quan".

#### 3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
01	Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải		0	0	291.388.000	26,29	- Tăng 69.700.000 cổ phiếu do: mua cổ phiếu; - Tăng 221.688.000 cổ phiếu do: chuyển đổi trái phiếu.
02	Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai		512.665.840	57,81	452.665.840	40,83	- Giảm 60.000.000 cổ phiếu do: bán cổ phiếu
	<b>Tổng</b>		<b>512.665.840</b>	<b>57,81</b>	<b>744.053.840</b>	<b>67,12%</b>	

#### 3.3 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn chú trọng công tác cập nhật các quy định mới ban hành về quản trị công ty, và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện để các thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên BKS, các cán bộ quản lý và Thư ký Công ty tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty. Năm 2019 đã có thêm 03 cá nhân hoàn thành khóa đào tạo về quản trị công ty.



## Báo cáo phát triển bền vững

Cam kết bằng những nỗ lực không ngừng trong việc bảo tồn các nguồn tài nguyên, hành động có trách nhiệm đối với môi trường và đóng góp vào việc cải thiện đời sống của người dân, cộng đồng...



## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nhận thức rõ trách nhiệm xã hội giúp doanh nghiệp xây dựng niềm tin đối với nhà đầu tư, khách hàng đồng thời nâng cao ý thức và khuyến khích thay đổi xã hội. Trong những năm qua, HAGL Agrico nỗ lực rất lớn trong các hoạt động đầu tư kinh doanh của mình nhằm sản xuất những sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao và tạo ra nhiều giá trị tốt đẹp bằng những việc làm thiết thực.

### 01. Quản lý nguồn nguyên vật liệu và năng lượng

Môi trường là nơi con người khai thác nguồn vật liệu và năng lượng cần thiết cho hoạt động sản xuất và cuộc sống, tuy nhiên không nguồn tài nguyên nào là vô tận vì thế chúng ta cần phải cân bằng giữa khai thác và tái tạo. Chính vì lẽ đó, Công ty luôn đề cao và nỗ lực thực hiện các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn nguyên vật liệu và năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh như:



#### Tiêu thụ năng lượng hiệu quả

##### Điện năng

Công ty đã giảm đáng kể lượng điện năng tiêu thụ trong các hoạt động vận hành nhà máy chế biến, xưởng sửa chữa, bơm nước, tưới nước bằng việc áp dụng các biện pháp thiết thực:

- Thay thế dần các loại dụng cụ và thiết bị cũ như bóng đèn dây tóc, đèn huỳnh quang... bằng loại bóng đèn LED tiết kiệm điện.
- Lắp đặt hệ thống điện sử dụng năng lượng mặt trời để dần thay thế việc sử dụng điện lưới quốc gia.
- Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi dẫn nước về các hồ chứa để tưới cho vườn cây.
- Phổ biến tới toàn thể nhân viên các quy định về sử dụng tiết kiệm điện.

##### Nước

**Thu gom và tái chế nước:** Nước thải từ nhà máy được thu gom, xử lý và tái sử dụng cho vườn cây.

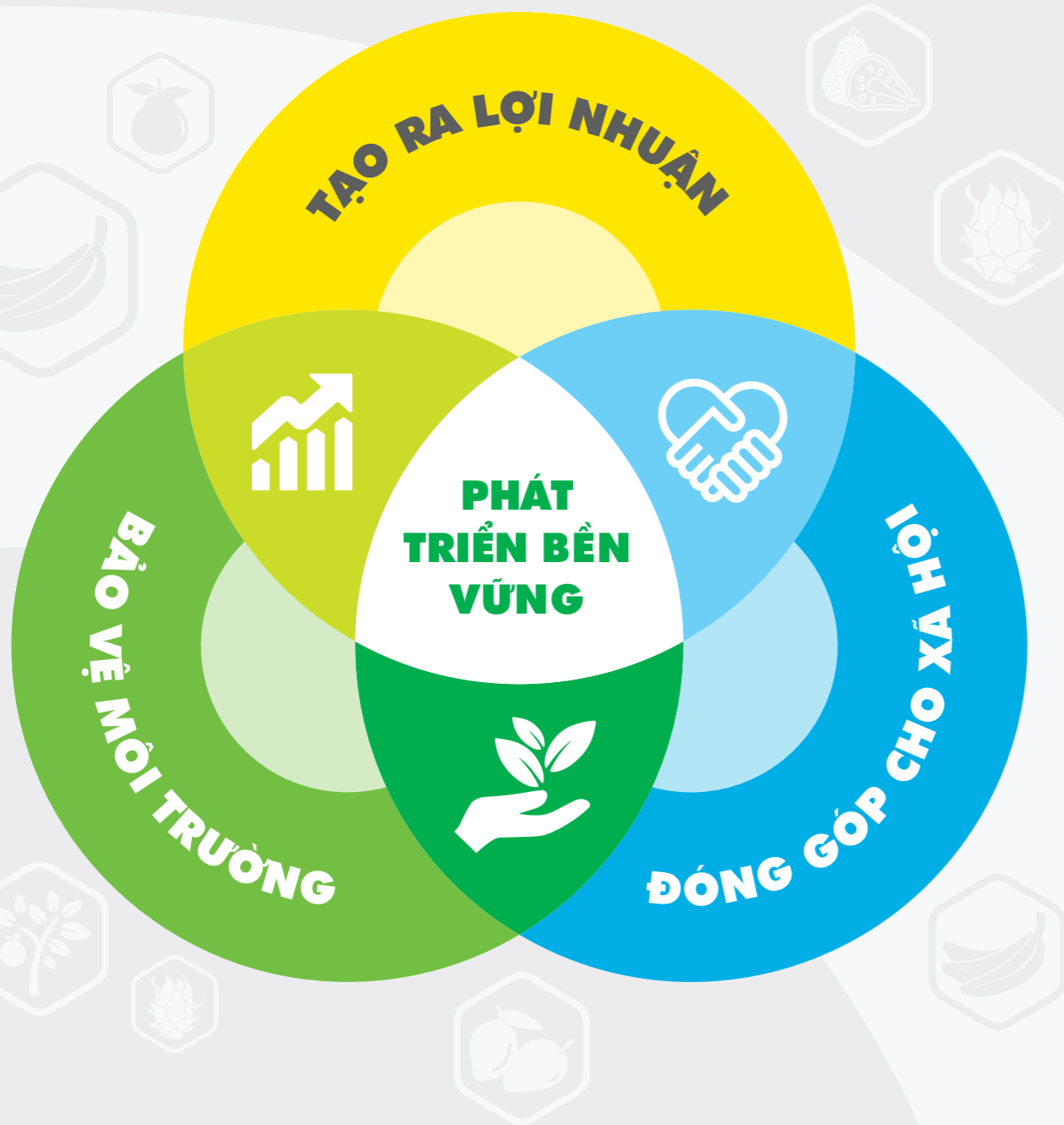
**Áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt:** được thiết kế riêng biệt cho từng dự án và từng loại cây trồng, áp dụng công nghệ Israel giúp tiết kiệm nước và tất cả đều được hệ thống hóa tự động trên máy tính giúp cung cấp lượng nước và lượng phân phù hợp cho cây. Nhờ phương pháp này mà Công ty có thể sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả trong hoạt động thủy lợi tuân theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

#### Ưu tiên tái chế nguồn nguyên vật liệu

**Tái sử dụng bao đựng phân bón:** để thu gom rác thực vật trong lô (như quả hỏng, cành, lá...). Số lượng bao được tái sử dụng hơn 50%.

**Ống nước tưới các loại** (như ống PVC, ống HDPE, LDPE) được sử dụng để tưới nước nhỏ giọt cho các vườn cây. Các ống tưới đã qua sử dụng bị đứt, gãy được đưa về các nhà máy của Công ty để tái chế với tỷ lệ lên đến 90%.

**Phụ phẩm của trái cây** (vỏ, hạt hoặc các phần không làm thực phẩm được) được chuyển thành nguyên liệu đầu vào của nhà máy phân bón để chế biến phân bón.



# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

**"KHÔNG LƯU TRỮ PHÂN BÓN CÙNG VỚI SẢN PHẨM THU HOẠCH"**

**"TẤT CẢ CÁC LOẠI THUỐC BTVT SỬ DỤNG ĐỀU PHẢI ĐƯỢC CẤP PHÉP LƯU HÀNH"**

## 02. Tuân thủ pháp luật về Bảo vệ môi trường

Một trong những yếu tố chủ đạo của việc canh tác bền vững là phối hợp những hiểu biết riêng biệt của vùng và nghiêm khắc tuân thủ theo các quy định về pháp luật cũng như tiêu chuẩn về môi trường tại địa phương. Do đó, trong quá trình canh tác, Công ty đã đưa ra những biện pháp sau để hạn chế tối thiểu tác động tiêu cực tới môi trường.

### Phân loại rác thải và các yếu tố ô nhiễm



Rác thải (giấy, bìa cứng, nhựa, dầu) và nguồn ô nhiễm (phân bón dư thừa, khí thải, dầu, nhiên liệu, tiếng ồn, nước thải, và hóa chất tạo ra bởi hoạt động nông trường phải được liệt kê và đưa ra phương pháp xử lý cụ thể.

Vật liệu hữu cơ thải ra cần được ủ và sử dụng để làm tốt đất. Phương pháp ủ bảo đảm không có rủi ro về sâu, bệnh hay cỏ dại lẫn vào.

Nước thải từ việc rửa máy ô nhiễm, thiết bị phun, thiết bị bảo hộ, bộ làm mát bằng nước được thu gom và tiêu hủy theo cách bảo đảm ảnh hưởng ít nhất đến môi trường và sức khỏe, sự an toàn của nhân viên nông trường. Đồng thời, tại các nhà máy Công ty đều xây dựng hệ thống xử lý nước thải để tái chế làm nước tưới vườn trồng.

### Quản lý phân bón



Nhu cầu phân bón được đưa ra dựa trên nhu cầu của cây trồng. Điều chỉnh việc bón phân nhằm tối ưu hóa các quy trình sử dụng và lưu trữ để tránh mất mát và lây nhiễm. Công ty lập hồ sơ lưu trữ định mức và thời gian bón để tiện theo dõi.

Tất cả phân bón phải được lưu trữ theo cách giảm thiểu sự ô nhiễm nguồn nước. Kho/thùng phân nước phải được bao bọc bởi rào chắn không thấm nước, để tránh gây rỉ ra ngoài.

Không lưu trữ phân bón cùng với sản phẩm thu hoạch.

### Quản lý thuốc Bảo vệ thực vật



Tất cả các loại thuốc BTVT sử dụng đều phải được phê duyệt và được cấp phép lưu hành chính thức của cơ quan có thẩm quyền của chính phủ ở nước áp dụng.

Công ty có một đội ngũ chuyên viên Bảo vệ thực vật để nghiên cứu và kịp thời đưa ra phương pháp sử dụng thuốc phòng và chữa bệnh sao cho hiệu quả nhất.



# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

## 03. Chính sách liên quan người lao động

Tại HAGL Agrico, nguồn nhân lực được xem là tài sản quý giá và quan trọng hàng đầu, là yếu tố đảm bảo nguồn sáng tạo cũng như trực tiếp vận hành bộ máy hoạt động của tổ chức; do đó Công ty đặc biệt coi trọng công tác xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực của mình. Công ty thực hiện trách nhiệm đối với người lao động chủ yếu dựa trên 3 yếu tố:

### An toàn, sức khỏe

Trong quá trình thực hiện dự án, Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo để hướng lực lượng lao động tới sự bền vững và phát triển xã hội, nhằm bảo đảm các biện pháp an toàn nơi làm việc và tất cả các công nhân đều có thể hiểu được trách nhiệm của họ và có năng lực để thực hiện trách nhiệm đó, được cung cấp trang thiết bị thích hợp cho phép họ làm việc an toàn và trong trường hợp xảy ra tai nạn, có biện pháp hỗ trợ giúp đỡ kịp thời.

Ban hành các Quy trình về sức khỏe, an toàn và xử lý tai nạn lao động tại chỗ cho công nhân. Trong đó bao gồm các quy trình xử lý tai nạn và tình huống khẩn cấp cũng như kế hoạch cho các tình huống bất ngờ liên quan đến bất cứ những rủi ro được xác định trong điều kiện làm việc.

Ngoài việc tuân thủ chế độ bảo hiểm đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật, quy định về an toàn lao động, HAGL Agrico còn chăm lo sức khỏe nhân viên bằng việc hỗ trợ chi phí điều trị tại bệnh viện Đại học Y Dược - HAGL, xét miễn giảm chi phí đối với nhân viên đang công tác tại nước ngoài, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội giải quyết kịp thời và đầy đủ cho người lao động như chế độ bệnh tật, chế độ thai sản.

### Đảm bảo công bằng

Văn hóa công bằng được áp dụng đối với người lao động từ khâu tuyển dụng, đào tạo, phát triển và cơ hội thăng tiến. HAGL Agrico ưu tiên sử dụng lao động địa phương và đặc biệt tôn trọng quyền bình đẳng giới, dành cơ hội phát triển công bằng cho cả nhân viên nam và nữ.

Tại văn phòng, công việc được sắp xếp phân công sao cho phù hợp nhất với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi nhân viên luôn có ý thức phải nỗ lực hết mình.

### Cơ hội phát triển

Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để nhân viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn. Hàng năm, HAGL Agrico định kỳ tổ chức các khóa đào tạo về nghiệp vụ nhằm nâng cao tay nghề cho CBCNV ở tất cả các lĩnh vực; thường xuyên mở lớp huấn luyện sử dụng phần mềm thống kê, phần mềm kế toán, nhận thức tiêu chuẩn ISO 9001 và Global GAP, vệ sinh an toàn thực phẩm HACCP, đào tạo đánh giá nhân viên nội bộ, hướng dẫn vận hành an toàn máy móc - thiết bị tại các nhà máy và nông trường.

Hàng năm, Công ty còn tổ chức các hoạt động vui chơi, thể thao, văn nghệ và du lịch nhằm giúp nhân viên có thời gian nghỉ ngơi, phục hồi năng lượng để tiếp tục cống hiến cho sự phát triển chung của Công ty. Đây còn là dịp để mọi người có thể trò chuyện, chia sẻ những câu chuyện cuộc sống và công việc với nhau, tăng thêm sự gắn bó và hỗ trợ tương tác lẫn nhau trong công việc vì một HAGL Agrico phát triển bền vững.



# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

## 04. Kết nối cộng đồng, nâng cao đời sống xã hội

**Chung tay vì xã hội tốt đẹp hơn** là chương trình trách nhiệm với cộng đồng của Công ty, được duy trì thường niên và triển khai trong nhiều năm qua, bao gồm đóng góp ủng hộ các Quỹ người nghèo, Quỹ bảo trợ trẻ em, Quỹ chất độc màu da cam, quyên góp giúp người dân vùng bão lũ, tổ chức tặng quà tết cho các gia đình khó khăn. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, từ thiện, khám chữa bệnh, được triển khai thực hiện tại 3 nước Việt Nam, Lào và Campuchia nơi Công ty đang đầu tư. Trong năm qua, Bệnh viện ĐHYD - HAGL thực hiện rất tốt nhiệm vụ cải thiện chất lượng y tế cho người dân các tỉnh Tây Nguyên. Ngoài việc phục vụ khám chữa bệnh tại chỗ, bệnh viện còn thường xuyên thực hiện các hoạt động xã hội như: tổ chức khám chữa bệnh nhân đạo, thực hiện các chương trình khám và cấp thuốc, mổ mắt miễn phí cho các đồng bào vùng sâu vùng xa tỉnh Gia Lai và người dân nước bạn Lào và Campuchia.

Ngày 26/5/2019, Đoàn thanh niên Bệnh viện ĐHYD – HAGL kết hợp với Đoàn thanh niên công an huyện Đức Cơ, Gia Lai tổ chức khám, chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí và tặng quà cho 300 đồng bào dân tộc thiểu số tại Xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai chủ yếu mắc các loại bệnh như xương khớp, huyết áp, tim mạch, hô hấp, tai mũi họng, nhi khoa. Cũng trong dịp này, Đoàn đã phát hơn 300 bộ quần áo cũ, 300 đôi giày dép cho người dân tại xã cùng hơn 300 phần quà cho các cháu thiếu nhi nhân ngày 1-6.



## 05. Cùng nhau phát triển

### CỔ ĐÔNG & NHÀ ĐẦU TƯ

- Công ty chủ động công bố và minh bạch thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính thông qua báo cáo thường niên, báo cáo tài chính, thông cáo báo chí, thông tin trên website công ty tại địa chỉ: [www.haagrico.com.vn](http://www.haagrico.com.vn), website của Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM và qua các phương tiện truyền thông,...
- Lãnh đạo Công ty trao đổi, lắng nghe ý kiến cổ đông, nhà đầu tư thông qua các buổi gặp trực tiếp, họp báo, Đại hội cổ đông.
- Tổ chức đi thực tế, tham quan dự án tại Việt Nam, Lào, Campuchia.

### KHÁCH HÀNG & ĐỐI TÁC

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đầu tư nông nghiệp với chu trình sản xuất khép kín, tạo ra chất lượng sản phẩm cao, đáp ứng được yêu cầu nghiêm ngặt của đối tác thu mua và khách hàng.

### NHÂN VIÊN

- Trao đổi, cập nhật thông tin cho nhân viên qua email, điện thoại, họp trực tuyến.
- Nâng cao tính đoàn kết của tập thể nhân viên bằng những buổi giao lưu, sinh nhật nhân viên, tiệc tất niên, tổ chức teambuilding.
- Mở các khóa đào tạo, huấn luyện nâng cao tay nghề, chuyên môn cho nhân viên...

### CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

- Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương nhằm tạo công ăn việc làm cho người dân bản địa.
- Tài trợ xây dựng cơ sở vật chất cơ bản như xây nhà, làm đường, đào giếng, xây dựng bệnh viện, trường học nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.
- Thực hiện các chương trình từ thiện, khám chữa bệnh miễn phí, hỗ trợ lương thực cho người nghèo.

### NHÀ NƯỚC, CHÍNH PHỦ

Thông qua việc đầu tư phát triển kinh tế địa phương, nâng cao đời sống xã hội của cộng đồng, làm tốt đẹp hơn mối quan hệ giữa các quốc gia nơi HAGL Agrico hoạt động đầu tư.

### NHÀ CUNG ỨNG

Nhà cung ứng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần xây dựng chuỗi giá trị vững mạnh của HAGL Agrico. Nắm giữ đầu vào của quy trình sản xuất, các đối tác mà Công ty lựa chọn cung cấp kỹ thuật, công nghệ, giống cây trồng... đều là những nhà thầu uy tín đáp ứng yêu cầu về chất lượng và đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc môi trường, cộng đồng.

### CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG

- Trao đổi và chia sẻ thông tin với cơ quan báo chí qua thông cáo báo chí, họp báo, hội nghị chuyên ngành về nông nghiệp.
- Mời đại diện các cơ quan truyền thông đồng hành cùng các hoạt động cộng đồng mà HAGL Agrico thực hiện.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH



01. Thông tin chung	68
02. Báo cáo của Ban Giám đốc	70
03. Báo cáo kiểm toán độc lập	71
04. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	73
05. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	75
06. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	76
07. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	78

## THÔNG TIN CHUNG

### Công ty

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười tám (18) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, năm (5) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### Hội Đồng Quản Trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Đỗ Xuân Diệm	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019

### Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	
Ông Nguyễn Đức Quang	Trưởng ban	
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	

### Ban giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	

### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

### Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### Trách nhiệm của Ban giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### Công bố của Ban giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc!



**Võ Thị Mỹ Hạnh**  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 9 tháng 4 năm 2020



**Ernst & Young Việt Nam Limited**  
20th floor, Bitexco Financial Tower, 2 Hai Trieu Street  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
Socialist Republic of Vietnam

Tel : +84 28 3824 5252  
Fax : +84 28 3824 5250  
Website: ey.com

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61280353/21443463-HN

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 9 tháng 4 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 68, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 31, trong năm Nhóm Công ty đã ghi nhận một khoản thu nhập khác từ việc hoàn nhập số dư dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với tổng số tiền là 192.397.024 ngàn VND. Việc trích lập này đã được thực hiện trong các năm trước căn cứ vào quy định tại Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, quy định về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 ("NĐ 20").

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty không ghi nhận khoản dự phòng thuế TNDN tương tự theo quy định hiện tại của NĐ 20 với số tiền là 39.385.614 ngàn VND do Nhóm Công ty đã áp dụng các nội dung mới của dự thảo sửa đổi NĐ 20 mặc dù dự thảo này chưa được phê duyệt chính thức bởi các cơ quan có thẩm quyền tại ngày của báo cáo này.

Nếu Nhóm Công ty thực hiện việc ghi nhận chi phí thuế TNDN theo quy định hiện tại của NĐ 20 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và không hoàn nhập chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong các năm tài chính trước đó, chỉ tiêu "Thu nhập khác" sẽ giảm với số tiền là 192.397.024 ngàn VND, chỉ tiêu "Chi phí thuế TNDN hiện hành" sẽ tăng 39.385.614 ngàn VND, lỗ trước thuế và lỗ sau thuế sẽ tăng tương ứng là 192.397.024 ngàn VND và 231.782.638 ngàn VND. Đồng thời, chỉ tiêu "Lỗ lũy kế" và chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ tăng với cùng số tiền là 231.782.638 ngàn VND.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.



**Dương Lê Anthony**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2223-2018-004-1



**Thái Trọng Cang**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4139-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 9 tháng 4 năm 2020

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.872.422.704</b>	<b>4.177.427.203</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>5</b>	<b>111.485.200</b>	<b>72.447.272</b>
111	1. Tiền		111.485.200	72.447.272
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.550.646.377</b>	<b>2.766.412.291</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.209.598.617	2.318.603.106
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	130.188.322	183.774.708
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	-	76.814.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	230.433.528	212.204.353
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(19.574.090)	(24.983.876)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>2.166.596.272</b>	<b>1.294.888.066</b>
141	1. Hàng tồn kho		2.187.324.242	1.306.450.947
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(20.727.970)	(11.562.881)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>43.694.855</b>	<b>43.679.574</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	6.087.728	20.937.610
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		37.122.086	22.405.890
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		485.041	336.074
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>19.408.066.392</b>	<b>26.354.127.080</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>10.372.877</b>	<b>6.556.215</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	10.372.877	6.556.215
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>8.518.016.314</b>	<b>9.475.881.785</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	8.512.947.157	9.452.032.650
222	Nguyên giá		10.476.925.849	11.124.291.966
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.963.978.692)	(1.672.259.316)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	5.069.157	23.849.135
228	Nguyên giá		6.648.075	54.845.260
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.578.918)	(30.996.125)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>10.012.930.483</b>	<b>13.270.329.599</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	10.012.930.483	13.270.329.599
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>318.081.963</b>	<b>307.231.754</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		315.487.353	299.447.924
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	7.783.830
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>548.664.755</b>	<b>3.294.127.727</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	126.689.199	154.355.869
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.2	49.589.730	50.738.434
269	3. Lợi thế thương mại	17	372.385.826	3.089.033.424
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>23.280.489.096</b>	<b>30.531.554.283</b>

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-DN/HN

B02-DN/HN

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Ngàn VND

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>13.542.536.476</b>	<b>19.855.671.686</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.912.947.521</b>	<b>8.513.547.223</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	984.872.754	413.725.650
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	197.329.676	86.711.848
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	25.458.573	46.065.717
314	4. Phải trả người lao động		83.065.743	48.561.776
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	1.495.873.051	1.548.036.970
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	471.776.625	491.538.723
320	7. Vay ngắn hạn	23	4.654.571.099	5.878.906.539
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>5.629.588.955</b>	<b>11.342.124.463</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	728.263.269	759.275.084
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	241.038.047	988.865.252
338	3. Vay dài hạn	23	4.550.026.796	9.551.092.730
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	110.260.843	42.891.397
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.737.952.620</b>	<b>10.675.882.597</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>9.737.952.620</b>	<b>10.675.882.597</b>
411	1. Vốn cổ phần	24.1	11.085.538.950	8.868.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	8.868.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	1.170.127.000	1.064.550.810
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	24.1	-	105.576.190
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	(203.488.917)	505.361.803
421	5. (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	(2.323.758.949)	102.645.162
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		102.159.258	761.794.920
421b	- Lỗ trong năm		(2.425.918.207)	(659.149.758)
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	9.534.536	29.309.682
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>23.280.489.096</b>	<b>30.531.554.283</b>

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	1.810.775.030	3.688.345.377
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(1.597.611.674)	(2.187.064.427)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		213.163.356	1.501.280.950
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	256.474.243	150.727.589
22	5. Chi phí tài chính	29	(693.201.444)	(690.572.665)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(571.255.746)	(638.937.501)
24	6. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	15.1	26.497.251	(11.458.148)
25	7. Chi phí bán hàng	30	(303.246.011)	(149.378.437)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(466.928.330)	(684.976.628)
30	9. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(967.240.935)	115.622.661
31	10. Thu nhập khác	31	229.852.274	20.710.867
32	11. Chi phí khác	31	(1.637.698.902)	(762.096.594)
40	12. Lỗ khác	31	(1.407.846.628)	(741.385.727)
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(2.375.087.563)	(625.763.066)
51	14. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hiện hành	32.1	(795.616)	4.147.599
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	32.2	(68.518.150)	(34.499.060)
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(2.444.401.329)	(656.114.527)
61	17. Lỗ sau thuế của công ty mẹ		(2.425.918.207)	(659.149.758)
62	18. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	(18.483.122)	3.035.231
70	19. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	(2.521)	(761)
71	20. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND)	26	(2.521)	(527)

Nguyễn Văn Tiên  
Người lập

Phạm Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2020

Nguyễn Văn Tiên  
Người lập

Phạm Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2020

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03-DN/HN

B03-DN/HN

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Ngàn VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>01</b>	<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(2.375.087.563)</b>	<b>(625.763.066)</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12, 17	1.093.161.166	969.016.977
03	Các khoản dự phòng		3.755.303	16.132.584
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		35.408.481	12.034.349
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư		899.740.741	238.622.330
06	Chi phí lãi vay	29	571.255.746	638.937.501
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>228.233.874</b>	<b>1.248.980.675</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		90.190.191	(631.488.764)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.141.092.565)	(705.973.160)
11	Giảm các khoản phải trả		(635.830.855)	(597.517.270)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		40.704.771	(474.472.323)
14	Tiền lãi vay đã trả		(474.180.409)	(498.858.220)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.1	(11.069.339)	(3.881.946)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.903.044.332)</b>	<b>(1.663.211.008)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.925.449.697)	(1.725.402.752)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		4.289.614	218.763.013
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		-	(96.265.018)
24	Tiền thu hồi cho vay		73.000.000	260.397.662
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(7.783.830)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		521.389.220	73.000.000
26a	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty con	4.5	6.996.075.859	-
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		6.165.794	21.309.714
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>4.675.470.790</b>	<b>(1.255.981.211)</b>

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
<b>33</b>	<b>Tiền thu từ đi vay</b>	<b>23</b>	<b>5.150.859.206</b>	<b>6.409.622.237</b>
<b>34</b>	<b>Tiền trả nợ gốc vay</b>	<b>23</b>	<b>(7.884.247.736)</b>	<b>(3.471.245.732)</b>
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính</b>		<b>(2.733.388.530)</b>	<b>2.938.376.505</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>39.037.928</b>	<b>19.184.286</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>72.447.272</b>	<b>53.262.986</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>5</b>	<b>111.485.200</b>	<b>72.447.272</b>

Nguyễn Văn Tiên  
Người lập

Phạm Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2020



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. Thông tin Công ty

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười tám (18) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, năm (5) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("Hoàng Anh - Quang Minh")	Nông nghiệp	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Nông nghiệp	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk ("Hoàng Anh Đắk Lắk")	Nông nghiệp	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("Hoàng Anh Attapeu")	Nông nghiệp và xây dựng	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Ratanakiri	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH Heng Brothers	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav ("Hoàng Anh Oyadav")	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH CRD	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(9) Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Nông nghiệp và chăn nuôi	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(10) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(11) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("Bò sữa Tây Nguyên")	Nông nghiệp và chăn nuôi	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
(12) Công ty Cổ phần An Đông Mia ("An Đông Mia")	Nông nghiệp	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,90
(13) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat ("Hoàng Anh Lumphat")	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	99,90

Tình trạng trước hoạt động là công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.452 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.316).

## 2. Cơ sở trình bày

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. Cơ sở trình bày (tiếp theo)

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Nhóm Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế.

## 2. Cơ sở trình bày (tiếp theo)

### 2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.425.918.207 ngàn VND và cũng tại ngày này, có khoản lỗ lũy kế tương ứng là 2.323.758.949 ngàn VND. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 4.040.524.817 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay như được trình bày tại các Thuyết minh số 23.4 của báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Hơn nữa, vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Nhóm Công ty cũng đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO"), qua đó, THACO cam kết sẽ hỗ trợ Nhóm Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Nhóm Công ty. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 6 năm 2019, Nhóm Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu Nông sản với Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi ("Thadi"), qua đó, Thadi hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Nhóm Công ty. Trên cơ sở này, Ban Giám đốc Nhóm Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

## 3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa      | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

#### Phụ phẩm - phế phẩm

Nhóm Công ty đang theo dõi các mặt hàng phụ phẩm, phế phẩm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp về mặt số lượng, với giá trị ghi sổ bằng không tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng

Chi phí công trình dở dang xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của chi phí công trình dở dang bao gồm:

- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của chi phí công trình dở dang đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành công trình dở dang đó và chi phí chung được phân bổ trên hạng mục hoàn tất tương ứng của công trình dở dang đó.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	8 năm
Cây trồng lâu năm	3 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

## 3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### 3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các loại cây trồng lâu năm

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)				
	Vườn cây cao su (i)	Vườn cây thanh long (ii)	Vườn tiêu (i)	Vườn mít (iii)	Vườn xoài (iv)
Năm thứ 1	2,50	1,00	4,60	0,80	0,30
Năm thứ 2	2,80	3,40	8,50	1,80	1,00
Năm thứ 3	3,50	5,00	8,50	4,10	2,20
Năm thứ 4	4,40	6,70	8,50	5,80	4,30
Năm thứ 5	4,80	8,40	8,50	5,80	5,80
Năm thứ 6	5,40	8,40	8,50	5,80	5,80
Năm thứ 7	5,40	8,40	6,20	5,80	5,80
Năm thứ 8	5,10	8,40	6,20	5,80	5,80
Năm thứ 9	5,10	8,40	6,20	5,80	5,80
Năm thứ 10	5,00	8,40	3,80	5,80	5,80
Năm thứ 11	7,00	6,70	3,80	5,80	5,80
Năm thứ 12	6,60	6,70	3,80	5,80	5,80
Năm thứ 13	6,20	6,70	3,80	5,80	5,80
Năm thứ 14	5,90	6,70	3,80	5,80	5,80
Năm thứ 15	5,50	Giá trị còn lại	3,80	5,80	5,80
Năm thứ 16	5,40		3,80	4,70	5,80
Năm thứ 17	5,00		3,80	4,70	5,80
Năm thứ 18	5,50		Giá trị còn lại	4,70	5,80
Năm thứ 19	5,20			4,70	5,80
Năm thứ 20	Giá trị còn lại			Giá trị còn lại	Giá trị còn lại

#### Vườn cây cao su

Ban Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ cây đủ tiêu chuẩn cạo mù (chu vi thân cây đo cách mặt đất 1m đạt từ 45cm trở lên và độ dày vỏ ở độ cao 1m cách mặt đất đạt từ 6mm trở lên) đạt trên 70% số cây còn sống trong lô.

#### Vườn cây ăn trái

Ban Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

#### Vườn cọ dầu

Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Nhóm Công ty được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 8 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cọ dầu là sáu (6) năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Nhóm Công ty tại Campuchia và Lào.

Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu kết chuyển các vườn cây đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao khi các tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác được thỏa mãn.

## 3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### 3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây

- Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCĐN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác hai mươi (20) năm.  
  
Khấu hao đối với vườn tiêu được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn tiêu theo chu kỳ khai thác.
- Khấu hao đối với vườn cây thanh long được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây thanh long theo chu kỳ khai thác.
- Khấu hao đối với vườn mít được thực hiện dựa trên Quyết định số 0111/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 11 năm 2018 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây mít theo chu kỳ khai thác.
- Khấu hao đối với vườn xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.
- Khấu hao đối với các vườn cây còn lại được thực hiện dựa trên các Quyết định khác có liên quan của Ban Giám đốc.

### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu và các vườn cây khác của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

#### Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các năm mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát triển vườn cây ngắn ngày. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; và
- Chi phí phát triển vườn cây ngắn ngày bao gồm: chi phí cây giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Chi phí cây giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### 3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

### 3.11 Các khoản đầu tư

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

## 3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### 3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

#### Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

#### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

#### Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.13 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

### 3.14 Lỗ trên cổ phiếu

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lỗ suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

### 3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

#### Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

#### Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong khi các chi phí này đã phát sinh.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

#### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### 3.18 Thuế

#### Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## 3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

### 3.18 Thuế (tiếp theo)

#### Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

### 3.19 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dẫn phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 3.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, chăn nuôi, thương mại dịch vụ và khác). Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 4. Các sự kiện quan trọng trong năm

### 4.1 Thanh lý một phần quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mía ("An Đông Mía")

Vào ngày 1 tháng 3 năm 2019, Bò sữa Tây Nguyên, công ty con của Nhóm Công ty đã chuyển nhượng 20.000 cổ phần, tương đương với 0,09% tỷ lệ sở hữu tại An Đông Mía cho các nhà đầu tư cá nhân với tổng giá trị là 1.000.000 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong An Đông Mía giảm từ 99,99% xuống 99,90%.

Chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của An Đông Mía thanh lý vào ngày giao dịch là 952.203 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh ("TM") số 24.1).

### 4.2 Mua thêm toàn bộ cổ phần được phát hành bởi Công ty Cổ phần Đông Pênh ("Đông Pênh")

Vào ngày 18 tháng 4 năm 2019, Công ty đã hoàn tất đăng ký và mua thêm toàn bộ 28.125.000 cổ phần được phát hành mới bởi Đông Pênh. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Đông Pênh tăng từ 99,90% lên 99,96%.

Chênh lệch giữa giá phí và giá trị ghi sổ, tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Đông Pênh mua thêm vào ngày giao dịch là 112.893 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 24.1).

### 4.3 Giải thể Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu ("CSDA")

Vào ngày 2 tháng 5 năm 2019, CSDA đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để giải thể hoạt động. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lỗ là 993.568 ngàn VND từ việc giải thể công ty con này vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (TM số 29).

### 4.4 Mua thêm toàn bộ cổ phần được sở hữu bởi cổ đông không kiểm soát trong Cổ phần Cao Su Trung Nguyên ("Cao Su Trung Nguyên")

Vào ngày 9 tháng 9 năm 2019, Công ty đã tăng thêm giá trị đầu tư vào Cao su Trung Nguyên bằng cách góp thêm vốn với số tiền là 445.229.648 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tăng từ 99,91% lên 100,00%.

### 4.5 Thanh lý toàn bộ quyền sở hữu trong các Công ty Cao su Đông Dương và các công ty con ("Nhóm Cao su Đông Dương"); Đông Pênh và các công ty con ("Nhóm Đông Pênh") và Cao su Trung Nguyên

Vào ngày 24 tháng 9 năm 2019, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Nhóm Cao su Đông Dương, Nhóm Đông Pênh và Cao su Trung Nguyên cho Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi ("Thadi") theo Thỏa thuận Hứa Mua bán Cổ phần - Phần vốn góp ngày 4 tháng 4 năm 2019, với tổng giá trị chuyển nhượng là 6.996.075.859 ngàn VND. Các giao dịch chuyển nhượng này đã được thông qua bởi các Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1706/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 17 tháng 6 năm 2019, số 1908/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 19 tháng 8 năm 2019 và số 0909/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 9 tháng 9 năm 2019. Theo đó, số tiền lãi là 245.936.649 ngàn VND từ việc thanh lý này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (TM số 27.2).

## 5. Tiền

Ngàn VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	7.424.567	11.309.966
Tiền gửi ngân hàng	85.516.633	61.137.306
Tiền đang chuyển	18.544.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>111.485.200</b>	<b>72.447.272</b>

## 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Ngàn VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu từ hoạt động xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào (*)	743.067.451	748.511.168
Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	466.531.166	1.053.891.938
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên ("Nông nghiệp Tây Nguyên")	79.448.210	70.606.751
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	57.517.134	62.850.287
- Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng")	50.342.466	30.370.320
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	49.377.567	132.668.954
- Các khách hàng khác	229.845.789	757.395.626
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư	-	516.200.000
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	-	516.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.209.598.617</b>	<b>2.318.603.106</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(19.574.090)	(24.983.876)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.190.024.527</b>	<b>2.293.619.230</b>
Trong đó:		
Phải thu các bên thứ ba	1.052.294.443	2.262.817.019
Phải thu các bên liên quan (TM số 33)	137.730.084	30.802.211

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Ngàn VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	24.983.876	13.042.811
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	17.824.851	18.590.676
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(23.234.637)	(6.649.611)
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.574.090</b>	<b>24.983.876</b>

(\*) Khoản phải thu Chính phủ Lào thể hiện khoản xây dựng sân bay quốc tế Attapeu và sân bay Quốc tế Nongkhang tại Lào. Khoản phải thu này sẽ được căn trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Ngàn VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	124.827.244	137.811.769
- Cao Su Trung Nguyên	28.257.752	-
- Công ty TNHH Phát triển Kỹ thuật Việt Nam	12.429.634	-
- Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng")	5.434.295	32.006.466
- Các nhà cung cấp khác	78.705.563	105.805.303
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	4.853.416	44.774.842
Trả trước cho thầu phụ của các dự án sân bay tại Lào	507.662	1.188.097
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>130.188.322</b>	<b>183.774.708</b>
Trong đó:		
Trả trước cho các bên thứ ba	90.510.912	149.155.439
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 33)	39.677.410	34.619.269

## 8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Ngàn VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Cho vay bên thứ ba	-	73.000.000
- Bà Lê Thùy Dương	-	73.000.000
Cho vay bên liên quan (TM số 33)	-	3.814.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>76.814.000</b>

## 9. Phải thu khác

Ngàn VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho mượn các công ty	134.861.168	5.777.694
Tạm ứng cho nhân viên	48.086.868	75.839.557
Khác	47.485.492	130.587.102
	230.433.528	212.204.353
<b>Dài hạn</b>		
Khác	10.372.877	6.556.215
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>240.806.405</b>	<b>218.760.568</b>
Trong đó:		
Phải thu từ các bên thứ ba	177.121.747	209.273.580
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 33)		
- Ngắn hạn	56.409.401	9.486.988
- Dài hạn	7.275.257	-

## 10. Hàng tồn kho

Ngàn VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.720.396.096	1.088.623.555
Trong đó:		
Hoạt động sản xuất, trồng trọt (i)	869.395.362	461.687.641
Hợp đồng xây dựng (ii)	851.000.734	609.273.069
Chi phí nuôi bò thịt	-	17.662.845
Nguyên vật liệu	261.748.953	132.746.014
Thành phẩm	155.519.548	46.872.104
Hàng hóa	33.218.130	28.543.749
Công cụ, dụng cụ	16.441.515	9.665.525
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.187.324.242</b>	<b>1.306.450.947</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(20.727.970)	(11.562.881)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.166.596.272</b>	<b>1.294.888.066</b>

(i) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (TM số 23).

(ii) Số tiền này chủ yếu thể hiện khoản chi phí sản xây dựng sân bay dở dang theo Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào số No.LAO - NKP01, ngày 15 tháng 6 năm 2013, với tổng giá trị nghiệm thu lần 1 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 25.584.644 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 25.584.644 USD). Theo Quyết định số 16453/GTVT ngày 12 tháng 7 tháng 2019 của Bộ Giao thông Vận tải Chính phủ Lào đã phê duyệt gia hạn Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Tiếp theo đó, vào ngày 4 tháng 2 năm 2020, Nhóm Công ty đã nhận được Thông báo số 818/NACP từ Bộ Giao thông Vận tải Chính phủ Lào, đề nghị Nhóm Công ty làm công văn xin gia hạn tiếp theo đến ngày 30 tháng 11 năm 2020, nhằm hoàn tất việc xây dựng dự án. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình làm công văn gia hạn cho dự án.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Ngàn VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>Số đầu năm</b>	<b>11.562.881</b>	<b>4.060.240</b>
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	20.296.656	11.131.567
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(11.131.567)	(3.628.926)
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.727.970</b>	<b>11.562.881</b>

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Cây trồng lâu năm	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Vật nuôi	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>								
Số đầu năm	7.028.402.028	2.234.884.094	1.410.213.351	420.298.150	13.220.831	1.959.847	15.313.665	11.124.291.966
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	2.152.352.731	291.943.520	422.934.307	23.335.932	-	-	4.065.627	2.894.632.117
Mua trong năm	-	70.424.872	3.388.887	74.731.337	-	2.687.907	5.092.280	156.325.283
Thanh lý trong năm	-	-	(5.017.468)	(2.419.057)	-	-	-	(7.436.525)
Thanh lý công ty con	(1.368.893.077)	(497.446.205)	(195.243.813)	(22.834.904)	-	(161.339)	(4.145.465)	(2.088.724.803)
Xóa sổ	(1.045.748.566)	(5.524.776)	(162.532.265)	(21.736.952)	(13.220.831)	(173.614)	(42.209)	(1.248.979.213)
Chênh lệch tỷ giá	(242.948.800)	(61.623.783)	(38.067.945)	(10.058.501)	-	(46.372)	(437.575)	(353.182.976)
Số cuối năm	6.523.164.316	2.032.657.722	1.435.675.054	461.316.005	-	4.266.429	19.846.323	10.476.925.849
<b>Trong đó:</b>								
Đã khấu hao hết	-	88.614.885	137.162.696	38.457.453	-	826.412	2.293.477	267.354.923
<b>Khấu hao lũy kế</b>								
Số đầu năm	(537.058.498)	(542.427.437)	(368.251.441)	(216.044.270)	(748.695)	(1.418.645)	(6.310.330)	(1.672.259.316)
Khấu hao trong năm	(464.756.772)	(179.650.104)	(103.832.265)	(50.471.047)	-	(301.831)	(2.107.618)	(801.119.637)
Thanh lý trong năm	-	-	3.168.431	434.972	-	-	-	3.603.403
Thanh lý công ty con	109.666.597	72.524.956	61.109.636	3.471.064	-	161.129	1.052.947	247.986.329
Xóa sổ	91.650.411	5.079.025	85.727.659	20.493.185	748.695	172.479	42.209	203.913.663
Chênh lệch tỷ giá	20.903.544	16.087.113	10.815.150	5.776.432	-	30.335	284.292	53.896.866
Số cuối năm	(779.594.718)	(628.386.447)	(311.262.830)	(236.339.664)	-	(1.356.533)	(7.038.500)	(1.963.978.692)
<b>Giá trị còn lại</b>								
Số cuối năm	6.491.343.530	1.692.456.657	1.041.961.910	204.253.880	12.472.136	541.202	9.003.335	9.452.032.650
Số cuối năm	5.743.569.598	1.404.271.275	1.124.412.224	224.976.341	-	2.909.896	12.807.823	8.512.947.157
<b>Trong đó:</b>								
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23)	5.743.569.598	1.404.271.275	1.124.412.224	224.976.341	-	-	12.807.823	8.510.037.261

B09-DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. Tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	48.197.185	6.648.075	54.845.260
Xóa sổ tài sản	(47.863.975)	-	(47.863.975)
Xóa sổ tài sản đã hao mòn hết	(333.210)	-	(333.210)
Số cuối năm	-	6.648.075	6.648.075
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	(29.749.612)	(1.246.513)	(30.996.125)
Hao mòn trong năm	(5.982.996)	(332.405)	(6.315.401)
Xóa sổ tài sản	35.399.398	-	35.399.398
Xóa sổ tài sản đã hao mòn hết	333.210	-	333.210
Số cuối năm	-	(1.578.918)	(1.578.918)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	18.447.573	5.401.562	23.849.135
Số cuối năm	-	5.069.157	5.069.157

Ngàn VND

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái (*)	3.713.729.509	2.920.344.527
Chi phí phát triển vườn cây cao su (*)	3.106.630.075	5.866.751.345
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu (*)	2.447.468.811	3.475.316.316
Xây dựng nhà máy sản xuất cọ dầu (*)	413.487.337	434.245.963
Nhà cửa và vật kiến trúc (*)	229.478.367	481.190.254
Các công trình khác	102.136.384	92.481.194
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.012.930.483</b>	<b>13.270.329.599</b>

Ngàn VND

(\*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (TM số 23).

**14. Chi phí lãi vay được vốn hóa**

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay với tổng trị giá là 522.276.485 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: 613.834.029 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để tài trợ vốn cho việc xây dựng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phát triển vườn cây cao su, cọ dầu và cây ăn trái.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 15. Đầu tư tài chính dài hạn

Ngàn VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 15.1)	315.487.353	299.447.924
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 15.2)	2.594.610	7.783.830
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>318.081.963</b>	<b>307.231.754</b>

### 15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	315.487.353	49,14	299.447.924

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Ngàn VND

	BIDIPHAR
<b>Giá trị đầu tư</b>	
Số đầu năm và số cuối năm	286.004.636
<b>Phần lãi lũy kế sau khi đầu tư</b>	
Số đầu năm	13.443.288
Phần lãi từ công ty liên kết trong năm	26.497.251
Cổ tức được chia	(10.457.822)
Số cuối năm	29.482.717
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	299.447.924
Số cuối năm	315.487.353

## 15. Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

### 15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND
Cánh Đồng Vàng (*)	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	45,00	7.783.830

(\*) Vào ngày 25 tháng 1 năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng 57.000 cổ phần, tương đương 30% tỷ lệ sở hữu tại Cánh Đồng Vàng cho Nông nghiệp Tây Nguyên, bên thứ ba, với giá chuyển nhượng là 5.189.220 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Cánh Đồng Vàng đã giảm từ 45% xuống 15% tại ngày này.

Cánh Đồng Vàng được mua nhằm mục đích nắm giữ dưới 20% theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1510/18/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 15 tháng 10 năm 2018.

## 16. Chi phí trả trước

Ngàn VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	3.637.990	1.637.637
Chi phí phát triển vườn cây ngắn ngày	-	12.548.563
Chi phí khác	2.449.738	6.751.410
	6.087.728	20.937.610
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất	58.958.582	65.526.788
Chi phí khai hoang	46.589.626	52.379.067
Công cụ, dụng cụ	10.376.864	18.622.267
Chi phí thuê văn phòng	5.102.262	5.333.584
Chi phí khác	5.661.865	12.494.163
	126.689.199	154.355.869
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>132.776.927</b>	<b>175.293.479</b>

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ nghiệp vụ mua các công ty:

	Ngàn VND					
	Cao su Trung Nguyên	Đông Pênh	An Đông Mía	Cao su Đông Dương	Bò sữa Tây Nguyên	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	2.667.823.198	611.353.527	565.417.677	168.887.099	72.228.357	4.085.709.858
Thanh lý trong năm	(2.667.823.198)	(611.353.527)	-	(168.887.099)	-	(3.448.063.824)
Số cuối năm	-	-	565.417.677	-	72.228.357	637.646.034
<b>Phân bổ lũy kế</b>						
Số đầu năm	(555.796.500)	(191.532.985)	(175.011.872)	(47.851.345)	(26.483.732)	(996.676.434)
Phân bổ trong năm	(177.854.880)	(35.662.289)	(56.541.768)	(8.444.355)	(7.222.836)	(285.726.128)
Thanh lý trong năm	733.651.380	227.195.274	-	56.295.700	-	1.017.142.354
Số cuối năm	-	-	(231.553.640)	-	(33.706.568)	(265.260.208)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	2.112.026.698	419.820.542	390.405.805	121.035.754	45.744.625	3.089.033.424
Số cuối năm	-	-	333.864.037	-	38.521.789	372.385.826

B09-DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Ngàn VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	910.462.831	377.901.730
- Thadi	207.569.778	-
- Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico ("Daun Penh")	91.845.863	-
- Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2 ("Bình Phước Kratie")	73.677.590	-
- Công ty Cổ phần Iapacco	42.273.048	17.788.694
- Các nhà cung cấp khác	495.096.552	360.113.036
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	32.172.611	29.265.527
Phải trả nhà thầu xây dựng	42.237.312	6.558.393
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>984.872.754</b>	<b>413.725.650</b>
Trong đó:		
Phải trả các bên thứ ba	462.901.219	351.378.057
Phải trả các bên liên quan (TM số 33)	521.971.535	62.347.593

**19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Ngàn VND	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	197.329.676	86.711.848
- Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khamkauong	56.925.500	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Long	27.500.000	-
- Thadi	18.021.828	-
- Các người mua khác	94.882.348	86.711.848
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>197.329.676</b>	<b>86.711.848</b>
Trong đó:		
Phải trả các bên thứ ba	179.307.848	86.711.848
Phải trả bên liên quan (TM số 33)	18.021.828	-

**20. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Ngàn VND			
	SỐ ĐẦU NĂM	TĂNG TRONG NĂM	GIẢM TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Thuế TNDN (TM số 32.1)	30.335.388	480.804	(11.069.339)	19.746.853
Thuế giá trị gia tăng	6.822.116	57.847.902	(64.670.018)	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.082.410	4.594.482	(4.965.172)	5.711.720
Thuế khác	2.825.803	1.367.196	(4.192.999)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.065.717</b>	<b>64.290.384</b>	<b>(84.897.528)</b>	<b>25.458.573</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 21. Chi phí phải trả

Ngàn VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí hoạt động	790.869.405	745.217.478
Chi phí lãi vay	649.247.074	577.022.877
Chi phí khác	55.756.572	225.796.615
	<b>1.495.873.051</b>	<b>1.548.036.970</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay	728.263.269	759.275.084
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.224.136.320</b>	<b>2.307.312.054</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>2.031.817.627</i>	<i>2.114.464.712</i>
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 33)</i>		
- Ngắn hạn	33.322.762	83.882.304
- Dài hạn	158.995.931	108.965.038

## 22. Phải trả khác

Ngàn VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả tiền mượn các công ty và cá nhân	205.710.224	383.737.755
Phải trả tiền thuê đất	68.603.644	77.030.840
Phải trả ngắn hạn khác	197.462.757	30.770.128
	<b>471.776.625</b>	<b>491.538.723</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả tiền mượn các công ty và cá nhân	127.926.968	326.733.232
Phải trả tiền thuê đất	113.111.079	112.132.020
Phải trả về hợp tác kinh doanh	-	550.000.000
	<b>241.038.047</b>	<b>988.865.252</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>712.814.672</b>	<b>1.480.403.975</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>492.104.005</i>	<i>644.178.084</i>
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 33)</i>		
- Ngắn hạn	194.735.337	207.292.780
- Dài hạn	25.975.330	628.933.111

## 23. Vay

Ngàn VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>Ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 23.3 và 33)	2.825.972.081	1.729.600.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 23.4)	1.209.903.508	762.209.407
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 23.2)	618.695.510	683.258.274
Vay ngắn hạn trái phiếu (TM số 23.1)	-	2.153.212.703
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	-	484.897.155
Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân	-	60.729.000
Vay dài hạn từ cá nhân đến hạn trả	-	5.000.000
	<b>4.654.571.099</b>	<b>5.878.906.539</b>
<b>Dài hạn</b>		
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 23.4)	3.095.659.565	4.318.640.316
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 23.5 và 33)	1.454.367.231	3.679.224.832
Vay dài hạn trái phiếu	-	1.553.227.582
	<b>4.550.026.796</b>	<b>9.551.092.730</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.204.597.895</b>	<b>15.429.999.269</b>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

Ngàn VND

	VAY NGẮN HẠN	VAY DÀI HẠN	TỔNG CỘNG
Số đầu năm	5.878.906.539	9.551.092.730	15.429.999.269
Tiền thu từ đi vay	3.997.189.408	1.153.669.798	5.150.859.206
Tiền chi trả nợ gốc vay	(4.041.139.596)	(3.843.108.140)	(7.884.247.736)
Hoán đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông (TM 23.1)	(2.217.100.000)	-	(2.217.100.000)
Giảm do thanh lý các công ty con	(141.310.000)	(463.590.000)	(604.900.000)
Vay dài hạn đến hạn trả	1.107.320.286	(1.107.320.286)	-
Giá trị phân bổ phần giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	63.634.964	-	63.634.964
Chi phí phát hành trái phiếu	252.333	109.398	361.731
Cấn trừ với khoản phải thu	-	(715.195.559)	(715.195.559)
Chênh lệch tỷ giá	6.817.165	(25.631.145)	(18.813.980)
Số cuối năm	<b>4.654.571.099</b>	<b>4.550.026.796</b>	<b>9.204.597.895</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 23. Vay (tiếp theo)

### 23.1 Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn

Vào ngày 9 tháng 8 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 221.710.000 cổ phiếu phổ thông cho Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải và Trái chủ khác để chuyển đổi 221.710 trái phiếu với tổng giá trị là 2.217.100.000 ngàn VND. Việc phát hành trên đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 0605/18/NQHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0605-1/18/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3007/19/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 7 năm 2019.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 8.868.438.950 ngàn VND lên 11.085.538.950 ngàn VND. Vào ngày 26 tháng 8 năm 2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, chấp thuận việc tăng vốn nói trên.

Chi tiết của khoản trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn như sau:

Ngàn VND

	GIÁ TRỊ
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	
Giá trị vay chuyển đổi	2.217.100.000
Cấu phần vốn chủ sở hữu (TM số 24.1)	(105.576.190)
<b>Cấu phần nợ gốc ghi nhận ban đầu</b>	<b>2.111.523.810</b>
<b>Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu</b>	<b>105.576.190</b>
Số đầu năm	41.941.226
Số phân bổ trong năm	63.634.964
Số cuối năm	105.576.190
<b>Cơ cấu nợ gốc trước khi chuyển đổi</b>	<b>2.217.100.000</b>
Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông (TM số 24.1)	(2.217.100.000)
<b>Giá trị trái phiếu tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 23. Vay (tiếp theo)

### 23.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngàn VND

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo (TM số 10, 11 và 13)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPbank") - Chi nhánh Hà Nội</b>					
Khoản vay ngày 21 tháng 4 năm 2017	599.732.982	-	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020	Lãi suất thay đổi hàng quý bằng lãi suất cơ sở năm hạn 3 tháng của TPBank + 3,20% năm (2019: 10,50)	Tài sản của Công ty TNHH Cao Su Eastern ("Cao su Eastern") đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất tô nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, diện tích 925 ha; 453,7 ha đất trống trái cây tại Bàn Huội Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Đại Thắng; 32.829.686 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG").
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank") - Chi nhánh Campuchia</b>					
Khoản vay ngày 30 tháng 8 năm 2019	18.962.528	800.000	29 tháng 2 năm 2020	9,00	Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas; Quyền sử dụng và khai thác trên diện tích 463,4 ha cao su thuộc dự án của Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>618.695.510</b>				

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. Vay** (tiếp theo)

**23.3 Vay ngắn hạn từ bên liên quan**

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
<b>Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải</b> Khoản vay ngày 11 tháng 12 năm 2019 Khoản vay ngày 6 tháng 6 năm 2019 Khoản vay ngày 17 tháng 6 năm 2019	453.563.957 224.000.000 219.900.668	Ngày 11 tháng 12 năm 2020 Ngày 12 tháng 7 năm 2020 Ngày 4 tháng 12 năm 2020	9,50 8,00 8,00	Bổ sung vốn lưu động Đầu tư trồng mới 7.000 ha chuối tại Lào và Campuchia Dự án Sân bay Nong Khang tại Tỉnh Huaphan, Lào	Tín chấp Tín chấp Tín chấp
	897.464.625				
	<b>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai</b> Khoản vay ngày 1 tháng 10 năm 2018 (*) Khoản vay ngày 7 tháng 1 năm 2019 (*) Khoản vay ngày 6 tháng 6 năm 2019 (*) Khoản vay ngày 26 tháng 11 năm 2018 (*) Khoản vay ngày 18 tháng 2 năm 2019 (*) Khoản vay ngày 19 tháng 7 năm 2019 Khoản vay ngày 1 tháng 11 năm 2019	781.218.000 381.080.000 297.000.000 202.250.000 180.174.000 35.485.456 1.300.000	Ngày 21 tháng 6 năm 2020 Ngày 29 tháng 1 năm 2020 Ngày 7 tháng 6 năm 2020 Ngày 5 tháng 12 năm 2019 Ngày 18 tháng 8 năm 2020 Ngày 19 tháng 7 năm 2020 Ngày 30 tháng 4 năm 2020	6,00 - 8,00 6,50 - 8,00 8,00 6,50 - 8,00 7,00 - 8,00 10,00 11,50	Bổ sung vốn lưu động Bổ sung vốn lưu động Đầu tư trồng mới 7.000 ha chuối tại Lào và Campuchia Bổ sung vốn lưu động Bổ sung vốn lưu động Bổ sung vốn lưu động Bổ sung vốn lưu động
<b>Bà Kiều Ngọc Hoa - Cổ đông</b> Khoản vay ngày 4 tháng 11 năm 2019	50.000.000	Ngày 4 tháng 2 năm 2020	14,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.825.972.081</b>				

B09-DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. Vay** (tiếp theo)

**23.3 Vay ngắn hạn từ bên liên quan** (tiếp theo)

(\*) Các khoản nợ vay ngắn hạn từ HAG, bao gồm gốc và lãi vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, đã được tái cơ cấu thành khoản vay mới với thời hạn thanh toán đến 31 tháng 1 năm 2023, theo Hợp đồng Vay mới số 0102/2020/HĐV/HAGL-NNQT được ký kết ngày 1 tháng 2 năm 2020.

**23.4 Vay dài hạn ngân hàng**

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	MỤC ĐÍCH VAY
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.877.239.318	1.888.233.421	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	952.352.906	1.034.341.177	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu, cây ăn trái và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Laos - Viet Bank")	822.882.246	903.442.605	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu, nuôi bò
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	553.088.603	1.004.832.520	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPbank")	100.000.000	250.000.000	Tài trợ dự án cao su, cây ăn trái
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.305.563.073</b>	<b>5.080.849.723</b>	
Trong đó:			
Vay dài hạn	3.095.659.565	4.318.640.316	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.209.903.508	762.209.407	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. Vay** (tiếp theo)**23.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Ngàn VND

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo (TM số 10, 11 và 13)
		Ngàn VN	USD			
<b>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</b>						
Khoản vay ngày 01 tháng 4 năm 2010	734.611.164	-	31.623.382	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70%/năm (2019: 7,20)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Hoàng Anh Attapeu.
Khoản vay ngày 19 tháng 6 năm 2015	576.965.337	289.818.146	12.361.050	28 tháng 12 năm 2019	VND 11,60 USD 9,28	2 tầng thuộc khu thương mại tại Tổ hợp chung cư - Thương mại Bàu Thạc Gián, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của HAG; 13.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; Trụ sở làm việc của HAG tại 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai; Quyền sử dụng và khai thác 1.040,52 ha cao su tại Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. Vay** (tiếp theo)**23.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Ngàn VND

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo (TM số 10, 11 và 13)
Khoản vay ngày 18 tháng 2 năm 2013 (*)	565.662.817	24.777.920	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2021 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00%/năm (2019: 6,70 - 7,00)	Quyền sử dụng đất của 37 căn hộ cao cấp thuộc block A,B và C tại Khu căn hộ cao cấp HAGL tọa lạc tại Số 40, Đường Hùng Vương, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Hoàng Anh Đắk Lắk; 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại Số 6, Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; Nhà máy đá Granit HAGL tại Độc Quốc lộ 14, Xã ba Bông, Huyện Đắk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m2 thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cò dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Hoàng Anh Attapeu.
<b>TỔNG CỘNG</b>					
					<b>1.877.239.318</b>
Trong đó:					
Vay dài hạn					1.289.714.877
Vay dài hạn đến hạn trả					587.524.441

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, diện tích cao su Nhóm Công ty thực tế trồng là 13.714 ha đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 17.950 ha. Bên cạnh đó, diện tích cò dầu Hoàng Anh Attapeu thực tế trồng còn lại là 1.449,2 ha đang thấp hơn diện tích 3.155,79 ha cò dầu theo quy định của Hợp đồng Tín dụng này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. Vay** (tiếp theo)**23.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Ngàn VND

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo (TM số 10, 11 và 13)
		Ngàn VN	USD			
<b>HD Bank, Chi nhánh Đồng Nai</b>						
Khoản vay ngày 25 tháng 4 năm 2014 (*)	887.352.906	450.000.000	18.827.073	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 25 tháng 12 năm 2023	VND: 12,57 USD: 8,50	172.070.455 cổ phiếu HNG sở hữu bởi HAG; Quyền sử dụng 7.924 ha đất tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Hoàng Anh Lumphat; 20.000.000 cổ phần của HNG, Bà Lê Thị Ngọc Bích và Bà Võ Thị Lệ Thu góp vốn tại An Đông Mía
<b>HD Bank, Chi nhánh Đắk Lắk</b>						
Khoản vay ngày 30 tháng 3 năm 2018	65.000.000	65.000.000	-	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	11,50 - 11,80	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn trái, cây gia vị được thực hiện trên thửa đất tại Xã Ea H'leo, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Hoàng Anh Đắk Lắk.

**TỔNG CỘNG****952.352.906**

Trong đó:

Vay dài hạn 665.514.685

Vay dài hạn đến hạn trả 286.838.221

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, diện tích cơ sở của Nhóm Công ty thực tế trồng là 4.074 ha đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng tín dụng là 6.653 ha.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. Vay** (tiếp theo)**23.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Ngàn VND

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo (TM số 10, 11 và 13)
		Ngàn LAK	USD			
<b>Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu</b>						
Khoản vay ngày 5 tháng 8 năm 2015 và ngày 26 tháng 11 năm 2015 (*)	310.331.827	-	13.593.570	Ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	10,00	Trụ sở làm việc của Hoàng Anh Attapeu tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001 0008 với diện tích đất 0,3 ha; Nhà máy chế biến mùn cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò (14.219 con) nhập về thuộc sở hữu của Hoàng Anh Attapeu.
Khoản vay ngày 15 tháng 3 năm 2013 (**)	272.699.137	38.155.000	7.649.850	Ngày 25 tháng 3 năm 2020 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	LAK: 12,75 USD: 10,00	Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cơ sở tại tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Hoàng Anh Attapeu.

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Hoàng Anh Attapeu đã bán toàn bộ số bò tại công ty.

(\*\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, diện tích cơ sở của Nhóm Công ty thực tế trồng là 1.449,2 ha đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng tín dụng là 3.155,79 ha.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. Vay** (tiếp theo)**23.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Ngàn VND

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo (TM số 10, 11 và 13)
		Ngàn LAK	USD			
<b>Laos - VietBank, Chi nhánh Attapeu</b> (tiếp theo)						
Khoản vay ngày 9 tháng 7 năm 2015 (*)	176.886.768	-	7.748.231	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2020 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	10,00	Quyền sử dụng 3 lô đất với tổng diện tích 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu trị giá đảm bảo 26.460.000 USD thuộc sở hữu của Hoàng Anh - Quang Minh; Giá trị toàn bộ tài sản trên đất là vườn cây cao su diện tích 420,91 ha tại Huyện Laman, Sékong, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh
Khoản vay ngày 25 tháng 11 năm 2015	62.964.514	-	2.758.056	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2020 đến ngày 25 tháng 11 năm 2020	10,00	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cò dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu của Hoàng Anh Attapeu.

**TỔNG CỘNG****822.882.246**

Trong đó:

Vay dài hạn 564.430.731

Vay dài hạn đến hạn trả 258.451.515

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty không đảm bảo đủ giá trị đàn bò là 26.460.000 USD theo quy định của Hợp đồng Tín dụng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. Vay** (tiếp theo)**23.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Ngàn VND

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo (TM số 10, 11 và 13)
		Ngàn VND	USD			
<b>Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn</b>						
Khoản vay ngày 3 tháng 1 năm 2014 (*)	262.454.605	262.454.605	-	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối năm của Sacombank + 2,00 %/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (2019: 9,80)	23,2 triệu cổ phiếu HAG do Chủ tịch sở hữu; 14,5 triệu cổ phần Hoàng Anh - Quang Minh do HNG sở hữu.
<b>Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức</b>						
Khoản vay ngày 29 tháng 11 năm 2013 (**)	250.000.000	250.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2021 đến ngày 6 tháng 12 năm 2026	9,80	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên; Quyền sử dụng đất 479,2 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Hoàng Anh Đắk Lắk và 683,33 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê.

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, diện tích cao su Nhóm Công ty thực tế trống là 2.429 ha đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng tín dụng là 9.000 ha.

(\*\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, diện tích cò dầu Nhóm Công ty thực tế trống là 5.233 ha đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng tín dụng là 9.470 ha.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. Vay** (tiếp theo)**23.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Ngàn VND

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo (TM số 10, 11 và 13)
		Ngàn VND	USD			
<b>Sacombank, Chi nhánh Campuchia</b>						
Khoản vay ngày 16 tháng 6 năm 2016	40.633.998	-	1.714.286	Từ ngày 21 tháng 6 năm 2020 đến ngày 21 tháng 6 năm 2021	9,00	Quyền sử dụng đất: Dự án tại số 1 tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia và Dự án số 2 tại Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia, thuộc sở hữu của Hoàng Anh Oyadav.

**TỔNG CỘNG****553.088.603**

Trong đó:

Vay dài hạn

525.999.272

Vay dài hạn đến hạn trả

27.089.331

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. Vay** (tiếp theo)**23.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Ngàn VND

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo (TM số 10, 11 và 13)
		Ngàn VND	USD			
<b>TPbank, Hội sở</b>						
Khoản vay ngày 19 tháng 11 năm 2018	100.000.000	100.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2020 đến ngày 25 tháng 11 năm 2021	11,40	Chứng khoán cùng lợi tức, cổ tức và các quyền và lợi ích phát sinh từ 15.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG.

Trong đó:

Vay dài hạn

50.000.000

Vay dài hạn đến hạn trả

50.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. Vay** (tiếp theo)**23.5 Các khoản vay dài hạn bên liên quan**

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
<b>HAG, Công ty mẹ (TM số 33)</b> Khoản vay ngày 5 tháng 7 năm 2015	300.000.000	Ngày 5 tháng 7 năm 2021	9,75	Tài trợ dự án nhà máy chế biến cọ dầu và nhà máy nhiệt điện tại Campuchia	Tín chấp
Khoản vay ngày 6 tháng 1 năm 2014	259.900.868	Ngày 6 tháng 1 năm 2022	9,75	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 7 tháng 12 năm 2016	89.205.529	Ngày 1 tháng 1 năm 2022	12,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
	649.106.397				
<b>THACO, Công ty có cùng thành viên HĐQT (TM số 33)</b> Khoản vay ngày 10 tháng 12 năm 2019	805.260.834	Ngày 10 tháng 6 năm 2021	10,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.454.367.231</b>				
Trong đó:					
Vay dài hạn	1.454.367.231				

Ngàn VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. Vốn chủ sở hữu****24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối / (lỗ lũy kế)	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	7.671.438.950	1.064.550.810	-	454.592.390	911.299.891	10.101.882.041
Phát hành cổ phiếu	1.197.000.000	-	-	-	-	1.197.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(659.149.758)	(659.149.758)
Giao dịch vốn với cổ đông không kiểm soát của công ty con nhưng không làm mất quyền kiểm soát	-	-	-	-	(148.694.971)	(148.694.971)
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-	105.576.190	-	-	105.576.190
Chia thù lao cho HĐQT, BKS và Ban thư ký HĐQT	-	-	-	-	(810.000)	(810.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	50.769.413	-	50.769.413
Số cuối năm	8.868.438.950	1.064.550.810	105.576.190	505.361.803	102.645.162	10.646.572.915
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	8.868.438.950	1.064.550.810	105.576.190	505.361.803	102.645.162	10.646.572.915
Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông (TM số 23.1)	2.217.100.000	105.576.190	(105.576.190)	-	-	2.217.100.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(2.425.918.207)	(2.425.918.207)
Giao dịch vốn với cổ đông không kiểm soát của công ty con nhưng không làm mất quyền kiểm soát (TM số 4.1 và 4.2)	-	-	-	-	1.075.096	1.075.096
Chia thù lao cho HĐQT, BKS và Ban thư ký HĐQT	-	-	-	-	(1.561.000)	(1.561.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(470.370.136)	-	(470.370.136)
Thanh lý các công ty con	-	-	-	(238.480.584)	-	(238.480.584)
Số cuối năm	11.085.538.950	1.170.127.000	-	(203.488.917)	(2.323.758.949)	9.728.418.084

Ngàn VND

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 24. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

### 24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Ngàn VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	8.868.438.950	7.671.438.950
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông (TM số 23.1)	2.217.100.000	-
Tăng vốn trong năm	-	1.197.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.085.538.950</b>	<b>8.868.438.950</b>

### 24.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	886.843.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	886.843.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	886.843.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

## 25. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Ngàn VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	29.309.682	50.886.343
(Lỗ)/Lợi nhuận trong năm	(18.483.122)	3.035.231
Giao dịch vốn với cổ đông không kiểm soát của công ty con nhưng không làm mất quyền kiểm soát	(790.635)	(24.116.892)
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	-	(495.000)
Thanh lý công ty con	(501.389)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.534.536</b>	<b>29.309.682</b>

## 26. Lỗ trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lỗ cơ bản và lỗ suy giảm trên cổ phiếu:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lỗ sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (ngàn VND)	(2.425.918.207)	(659.149.758)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	962.467.537	866.183.347
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi	-	221.710.000
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng phát sinh từ quyền mua cổ phiếu	-	162.675.507
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh do các yếu tố suy giảm	962.467.537	1.250.568.854
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(2.521)	(761)
Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND)	(2.521)	(527)

Không có sự suy giảm tiềm tàng nào của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 27. Doanh thu

### 27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngàn VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu bán trái cây	1.243.174.162	2.351.617.889
Doanh thu bán mù cao su	341.922.013	345.167.899
Doanh thu bán hàng hóa, hàng phụ phẩm, phế phẩm	176.705.580	292.364.339
Doanh thu bán ớt	38.704.084	496.448.129
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	10.269.191	10.917.384
Doanh thu bán bò	-	126.874.935
Doanh thu bán tiêu	-	38.214.213
Doanh thu bán căn hộ	-	26.740.589
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.810.775.030</b>	<b>3.688.345.377</b>
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên liên quan	1.019.035.719	584.274.041
Doanh thu thuần với bên thứ ba	791.739.311	3.104.071.336

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 27. Doanh thu (tiếp theo)

### 27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Ngàn VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư (TM số 4.5)	245.936.649	73.082.312
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.202.737	10.487.492
Lãi tiền cho vay và tiền gửi ngân hàng	2.334.857	67.038.014
Khác	-	119.771
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>256.474.2431</b>	<b>50.727.589</b>

Trong đó:

Lãi cho vay các bên liên quan - 49.037.033

## 28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Ngàn VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn trái cây đã bán	963.666.625	1.247.147.011
Giá vốn mù cao su đã bán	437.352.727	361.367.131
Giá vốn hàng hóa, hàng phụ phẩm, phế phẩm	142.753.774	18.578.858
Giá vốn ớt đã bán	43.130.128	335.048.650
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	10.708.420	24.121.237
Giá vốn bò đã bán	-	138.206.269
Giá vốn tiêu đã bán	-	34.962.327
Giá vốn căn hộ đã bán	-	27.632.944
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.597.611.674</b>	<b>2.187.064.427</b>

## 29. Chi phí tài chính

Ngàn VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí lãi vay	571.255.746	638.937.501
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	73.063.454	16.313.294
Lỗ từ giải thể công ty con (TM số 4.3)	993.568	-
Khác	47.888.676	35.321.870
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>693.201.444</b>	<b>690.572.665</b>

## 30. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngàn VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí vận chuyển	242.763.685	109.693.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.448.664	22.632.265
Chi phí nhân viên	14.617.287	10.211.387
Chi phí khấu hao	2.412.294	2.188.094
Khác	4.004.081	4.653.129
	<b>303.246.011</b>	<b>149.378.437</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Phân bổ lợi thế thương mại (TM số 17)	285.726.128	408.570.987
Chi phí nhân viên	90.366.973	56.185.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.313.604	28.800.846
Dự phòng phải thu khó đòi	15.532.723	11.647.070
Chi phí khấu hao và hao mòn	13.713.037	14.120.863
Khác	12.275.865	165.651.493
	<b>466.928.330</b>	<b>684.976.628</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>770.174.341</b>	<b>834.355.065</b>

## 31. Thu nhập và chi phí khác

Ngàn VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>Thu nhập khác</b>		
Hoàn nhập trích trước chi phí thuế theo Nghị định 20 (*)	192.397.024	-
Xóa sổ các khoản phải trả	20.152.510	-
Lãi từ thanh lý tài sản	456.492	-
Khác	16.846.248	20.710.867
	<b>229.852.274</b>	<b>20.710.867</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí phát triển vườn cây	(1.340.360.552)	(541.841.519)
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(54.983.799)	(79.563.818)
Các khoản phạt	(10.144.168)	(29.728.088)
Lỗ từ thanh lý tài sản	-	(26.972.709)
Khác	(232.210.383)	(83.990.460)
	<b>(1.637.698.902)</b>	<b>(762.096.594)</b>
<b>LỖ KHÁC</b>	<b>(1.407.846.628)</b>	<b>(741.385.727)</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

## 31. Thu nhập và chi phí khác (tiếp theo)

(\*) Số tiền này thể hiện việc hoàn nhập chi phí dự phòng thuế TNDN được trích trước và ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong các năm trước, do NĐ 20 mới được ban hành và Nhóm Công ty cũng chưa làm việc cụ thể với các cơ quan Nhà nước, do đó theo nguyên tắc thận trọng, Nhóm Công ty đã tạm trích trước thuế TNDN theo các hướng dẫn của Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 5 năm 2017 ("NĐ 20") để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm số tiền lãi vay phát sinh trong năm mà vượt 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong năm. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Giám đốc Nhóm Công ty đã nghiên cứu các thông tin có liên quan và quyết định hoàn nhập số tiền đã trích lập trong báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Giám đốc Nhóm Công ty cũng quyết định không trích dự phòng chi phí thuế thu nhập dựa trên xét đoán căn cứ vào nội dung dự thảo sửa đổi NĐ 20 được Chính phủ ban hành trong năm 2019, theo các nội dung sửa đổi này thì Nhóm Công ty ước tính tổng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong năm (chi phí lãi vay bù trừ với doanh thu lãi tiền gửi, tiền cho vay) là không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng (+) chi phí lãi vay thuần cộng (+) chi phí khấu hao trong năm.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, văn bản chính thức sửa đổi NĐ 20 vẫn chưa được ban hành chính thức. Tuy nhiên, dựa vào các thông tin hiện có, Nhóm Công ty tin rằng NĐ 20 sẽ được sửa đổi theo hướng tích cực theo các dự thảo sửa đổi mà Chính phủ đã ban hành trong năm.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Nhóm Công ty, quy định tại Khoản 3, Điều 8 của NĐ 20 còn nhiều điểm chưa rõ, có nhiều cách hiểu khác nhau gây khó khăn trong việc áp dụng trong thực tiễn và chưa đúng bản chất của Nghị định là chống chuyển giá. Ban Giám đốc vẫn đang trao đổi và kiến nghị với Kiểm toán Nhà nước, Tổng Cục Thuế, Văn Phòng Chính phủ và Bộ Tài chính xem xét việc ban hành quy định khác thay đổi NĐ 20.

Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất, NĐ 20 vẫn chưa được sửa đổi hoặc thay thế và Ban Giám đốc Nhóm Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan Nhà nước về vấn đề này.

## 32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2018: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con của Công ty tại Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 32.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành (phải thu) phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

## 32. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

### 32.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

	Ngàn VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí thuế TNDN hiện hành	636.624	499.451
Thuế TNDN trích thiếu/(thừa) những năm trước	158.992	(4.647.050)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	68.518.150	34.499.060
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.313.766</b>	<b>30.351.461</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Ngàn VND	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(2.375.087.563)</b>	<b>(625.763.066)</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Các khoản chi phí không được trừ	1.634.636.353	9.857.984
Các khoản lỗ của các công ty con	1.295.381.210	842.321.736
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	285.726.128	408.570.987
Chênh lệch lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	129.099.274	76.088.699
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	35.408.481	(97.302.362)
Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	11.021.368	(20.241.725)
Chênh lệch giữa lãi suất thực tế và lãi suất danh nghĩa liên quan đến phát hành trái phiếu chuyển đổi ở khía cạnh hợp nhất	7.679.836	-
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con	(336.847.230)	(214.456.985)
Lợi nhuận từ hoạt động được miễn thuế	(254.707.311)	(397.108.217)
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư loại trừ ở khía cạnh hợp nhất	(245.936.649)	(73.082.312)
Thay đổi chi phí phải trả (Lãi)/lỗ từ công ty liên kết	(26.497.251)	11.458.148
Các khoản khác	35.703.497	31.648.807
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm</b>	<b>3.183.119</b>	<b>2.497.255</b>
Thuế TNDN hiện hành ước tính	636.624	499.451
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) của năm trước	158.992	(4.647.050)
<b>Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm</b>	<b>795.616</b>	<b>(4.147.599)</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	30.049.556	38.237.764
Thuế TNDN đã trả trong năm	(11.069.339)	(3.881.946)
Chênh lệch tỷ giá	(314.811)	(158.662)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>19.461.022</b>	<b>30.049.557</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả	19.746.853	30.335.388
Thuế TNDN trả trước	(285.831)	(285.831)

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 32. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

### 32.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm thể hiện như sau:

Ngàn VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	49.589.730	50.738.434	(1.148.704)	(3.524.143)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Dự phòng khoản đầu tư	(110.260.843)	(42.891.397)	(67.369.446)	(30.974.917)
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>(68.518.150)</b>	<b>(34.499.060)</b>

## 33. Nghiệp vụ với bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Thadi	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Thanh lý các công ty con Bán hàng hóa Mua vật tư và dịch vụ	6.996.075.859 895.648.536 166.081.413	- - -
THACO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay và mượn Chi phí lãi vay	2.588.289.459 94.567.711	746.132.000 6.259.160
HAG	Công ty mẹ	Vay và mượn Chi phí lãi vay Bán hàng hóa và dịch vụ Mua vật tư	1.243.488.420 313.654.152 47.356.218 41.547.567	1.566.296.280 366.866.926 10.194.902 101.513.023
Bà Kiều Ngọc Hoa	Cổ đông	Vay	130.000.000	-
Ông Nguyễn Anh Hòa	Cổ đông	Vay	100.000.000	-
Daun Penh	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa Bán vật tư	93.716.041 20.813.957	- -
Bình Phước Kratie	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa Bán vật tư	76.567.770 18.874.266	- -
Cao Su Eastern	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa Bán vật tư	32.568.454 18.363.685	- -
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua vật tư	61.529.361	-
Công ty TNHH MTV Tổ Hợp Cơ Khí Thaco Chu Lai ("Thaco Chu Lai")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ Mua tài sản cố định	34.871.617 2.466.176	- -
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải ("Vận tải Thaco Chu Lai")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	24.683.368	-
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Máy Nông Nghiệp Thaco ("Máy Nông nghiệp Thaco")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua máy móc	21.002.527	-



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 33. Nghiệp vụ với bên liên quan (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)</b>				
Daun Penh	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán vật tư	80.108.487	-
Bình Phước Kratie	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán vật tư	19.114.510	-
HAG	Công ty mẹ	Bán hàng hóa và dịch vụ	23.171.406	1.803
Cao Su Trung Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán vật tư	9.435.130	-
Cao Su Eastern	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán vật tư	4.948.622	-
Cánh Đồng Vàng	Công ty liên quan (đến ngày 25 tháng 1 năm 2019)	Bán hàng hóa	-	30.370.320
Khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	951.929	430.088
			<b>137.730.084</b>	<b>30.802.211</b>

### Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)

Cao Su Trung Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Tạm ứng mua hàng hóa	28.257.752	-
Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Tạm ứng mua hàng hóa	5.434.295	32.006.466
Cao Su Eastern	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Tạm ứng mua hàng hóa	3.351.521	-
HAG	Công ty mẹ	Tạm ứng mua hàng hóa	-	2.612.803
Khác	Bên liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	2.633.842	-
			<b>39.677.410</b>	<b>34.619.269</b>

### Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)

HAG	Công ty mẹ	Cho vay không lãi suất	-	3.814.000
-----	------------	------------------------	---	-----------

## 33. Nghiệp vụ với bên liên quan (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)</b>				
Daun Penh	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn vật tư	33.038.555	-
HAG	Công ty mẹ	Chi hộ Cho mượn tạm	11.941.830 -	3.917.872 680.800
Bình Phước Kratie	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi hộ	6.577.232	-
Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	4.601.784	-
Khác	Bên liên quan	Khác	250.000	4.888.316
			<b>56.409.401</b>	<b>9.486.988</b>

### Phải thu dài hạn khác (TM số 9)

Daun Penh	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn	6.780.054	-
Bình Phước Kratie	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn	495.203	-
			<b>7.275.257</b>	<b>-</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 33. Nghiệp vụ với bên liên quan (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 18)</b>				
Thadi	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua vật tư và dịch vụ	(207.569.778)	-
Daun Penh	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	(91.845.863)	-
Bình Phước Karatie	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	(73.677.590)	-
HAG	Công ty mẹ	Mua hàng hóa và dịch vụ	(64.288.041)	(62.246.015)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua vật tư	(42.390.542)	-
Thaco Chu Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	(18.934.507)	-
Vận tải Thaco Chu Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	(14.561.396)	-
Máy Nông nghiệp Thaco	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua máy móc	(6.080.000)	-
Công Ty TNHH Phân Phối Ô Tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	(1.994.000)	-
Khác	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(629.818)	(101.578)
			<b>(521.971.535)</b>	<b>(62.347.593)</b>

### Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 19)

Thadi	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Ứng tiền mua hàng hóa	18.021.828	-
-------	---	-----------------------	------------	---

## 33. Nghiệp vụ với bên liên quan (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 21)</b>				
HAG	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	(27.191.064)	(77.623.144)
THACO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi phí lãi vay	(5.172.794)	(6.259.160)
Bà Kiều Ngọc Hoa	Cổ đông	Chi phí lãi vay	(958.904)	-
			<b>(33.322.762)</b>	<b>(83.882.304)</b>
<b>Chi phí phải trả dài hạn (TM số 21)</b>				
HAG	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	(154.362.922)	(108.965.038)
THACO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi phí lãi vay	(4.633.009)	-
			<b>(158.995.931)</b>	<b>(108.965.038)</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 22)</b>				
HAG	Công ty mẹ	Cấn trừ công nợ	(123.024.506)	(39.871.191)
Daun Penh	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn vật tư	(58.541.505)	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Mượn tiền	(11.685.000)	(11.685.000)
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Mượn tiền	-	(136.000.000)
Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mượn vật tư	-	(18.475.588)
Khác	Bên liên quan	Khác	(1.484.326)	(1.261.001)
			<b>(194.735.337)</b>	<b>(207.292.780)</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 33. Nghiệp vụ với bên liên quan (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả dài hạn khác (TM số 22)</b>				
Daun Penh	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn vật tư	(20.975.330)	-
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mượn tiền	(5.000.000)	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh	-	(550.000.000)
HAG	Công ty mẹ	Mượn tiền	-	(78.933.111)
			<b>(25.975.330)</b>	<b>(628.933.111)</b>

### Vay ngắn hạn (TM số 23.1 và 23.3)

HAG	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	(1.878.507.456)	(983.468.000)
THACO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Trái phiếu chuyển đổi Vay ngắn hạn	- (897.464.625)	(2.216.880.000) (746.132.000)
Bà Kiều Ngọc Hoa	Cổ đồng	Vay ngắn hạn	(50.000.000)	-
			<b>(2.825.972.081)</b>	<b>(3.946.480.000)</b>

### Vay dài hạn (TM số 23.5)

HAG	Công ty mẹ	Vay dài hạn	(649.106.397)	(3.679.224.832)
THACO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay dài hạn	(805.260.834)	-
			<b>(1.454.367.231)</b>	<b>(3.679.224.832)</b>

Thu nhập cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

Ngàn VND

	Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao và thưởng	4.804.960	5.619.873

## 34. Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

Ngàn VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Đến 1 năm	25.242.008	27.650.133
Từ 1 đến 5 năm	100.968.031	110.600.534
Trên 5 năm	906.550.484	1.007.761.374
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.032.760.523</b>	<b>1.146.012.041</b>

## 35. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngàn VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>Các loại ngoại tệ:</b>		
- LAK	554.609.265	84.386.864
- Riels Campuchia (KHR)	161.524.156	34.050.002
- USD	1.864.493	1.750.585

## 36. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng

### Cam kết quan trọng

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Nhóm Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Nhóm Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt Nam;
- Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường;
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường;
- Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường; và
- Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tố tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan thuế địa phương để xác định khoản nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh (nếu có) liên quan đến chuyển nhượng Nhóm công ty Mía đường nêu trên.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

## 36. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng (tiếp theo)

### Dự phòng bảo hành các dự án xây dựng sân bay

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của hai dự án sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu và sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, nước Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào. Nhóm Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho các dự án này, vì các dự án chưa được quyết toán hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư.

Theo quy định tại Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Attapeu và Dự án xây dựng Sân bay Nongkhang, thời gian bảo hành sẽ kéo dài trong thời gian một năm kể từ ngày bàn giao các dự án.

## 37. Thông tin theo bộ phận

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

### 37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, thu hoạch, chế biến và bán mù cao su, đường, cọ dầu và các loại cây trồng khác;
- Chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa;
- Thương mại và dịch vụ: dịch vụ xây dựng, mua bán và vận chuyển hàng hóa; và
- Khác: bán căn hộ, cho thuê văn phòng và dịch vụ khách sạn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lỗ và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 37. Thông tin theo bộ phận (tiếp theo)

#### 37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Trồng cây	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Loại trừ	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>					
<i>Doanh thu</i>	3.231.448.130	126.874.935	330.022.312	-	3.688.345.377
Từ khách hàng bên ngoài	857.907.005	-	430.289.798	(1.288.196.803)	-
Giữa các bộ phận					
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.089.355.135</b>	<b>126.874.935</b>	<b>760.312.110</b>	<b>(1.288.196.803)</b>	<b>3.688.345.377</b>
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>					
Kết quả của bộ phận	2.110.830.016	(11.331.334)	689.979.071	(1.288.196.803)	1.501.280.950
Chi phí không phân bổ					(1.575.740.792)
Lỗ trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính					(74.459.842)
Thu nhập tài chính					150.727.589
Chi phí tài chính					(690.572.665)
Chia lỗ trong công ty liên kết					(11.458.148)
Lỗ trước thuế					(625.763.066)
Thu nhập thuế TNDN hiện hành					4.147.599
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					(34.499.060)
<b>Lỗ thuần trong năm</b>					<b>(656.114.527)</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>					
Tài sản và nợ phải trả					
Tài sản của bộ phận	23.957.801.119	1.613.646.049	2.101.595.348	-	27.673.042.516
Tiền					72.447.272
Đầu tư vào công ty liên kết					299.447.924
Tài sản không phân bổ					2.486.616.571
<b>Tổng tài sản</b>					<b>30.531.554.283</b>
Nợ phải trả của bộ phận	(25.593.438.896)	(1.161.786.068)	(11.788.226.852)	-	(38.543.451.816)
Nợ phải trả không phân bổ					18.687.780.130
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>(19.855.671.686)</b>

Ngàn VND

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. Thông tin theo bộ phận** (tiếp theo)

**37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

Ngân VND					
	Trồng cây	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Loại trừ	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>					
<i>Doanh thu</i>					
Từ khách hàng bên ngoài	1.626.044.667	-	184.730.363	-	1.810.775.030
Giữa các bộ phận	1.197.808.050	-	723.564.640	(1.921.372.690)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.823.852.717</b>	<b>-</b>	<b>908.295.003</b>	<b>(1.921.372.690)</b>	<b>1.810.775.030</b>
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>					
Kết quả của bộ phận	1.375.634.748	-	758.901.298	(1.921.372.690)	213.163.356
Chi phí không phân bổ					(2.178.020.969)
Lỗ trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính					(1.964.857.613)
Thu nhập tài chính					256.474.243
Chi phí tài chính					(693.201.444)
Chia lãi trong công ty liên kết					26.497.251
Lỗ kế toán trước thuế					(2.375.087.563)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(795.616)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					(68.518.150)
<b>Lỗ thuần trong năm</b>					<b>(2.444.401.329)</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>					
Tài sản và nợ phải trả					
Tài sản của bộ phận	19.831.247.887	-	2.109.795.519	-	21.941.043.406
Tiền					111.485.200
Đầu tư vào công ty liên kết					315.487.353
Tài sản không phân bổ					912.473.137
<b>Tổng tài sản</b>					<b>23.280.489.096</b>
Nợ phải trả của bộ phận	(15.170.288.266)	-	(7.246.306.632)	-	(22.416.594.898)
Nợ phải trả không phân bổ					8.874.058.422
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>(13.542.536.476)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. Thông tin theo bộ phận** (tiếp theo)

**37.2 Bộ phận theo khu vực địa lý**

Thông tin về doanh thu, lỗ và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

Ngân VND				
	Việt Nam	Lào	Campuchia	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>				
<i>Doanh thu từ khách hàng bên ngoài</i>				
Chi phí hình thành tài sản cố định	2.913.105.285 328.077.063	487.301.078 607.531.429	287.939.014 637.999.662	3.688.345.377 1.573.608.154
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>				
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>				
Tài sản bộ phận	5.025.138.438	12.201.406.693	10.446.497.385	27.673.042.516
Tiền				72.447.272
Đầu tư vào công ty liên kết				299.447.924
Tài sản không phân bổ				2.486.616.571
<b>Tổng tài sản</b>				<b>30.531.554.283</b>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>				
<i>Doanh thu từ khách hàng bên ngoài</i>				
Chi phí hình thành tài sản cố định	1.704.177.416 238.684.377	32.136.212 798.668.201	74.461.402 520.575.681	1.810.775.030 1.557.928.259
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>				
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>				
Tài sản bộ phận	1.698.383.046	12.297.563.683	7.945.096.677	21.941.043.406
Tiền				111.485.200
Đầu tư vào công ty liên kết				315.487.353
Tài sản không phân bổ				912.473.137
<b>Tổng tài sản</b>				<b>23.280.489.096</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 38. Phân loại lại các dữ liệu tương ứng

Một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm này.

## 39. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

### Mua thêm toàn bộ cổ phần được phát hành bởi Hoàng Anh DakLak

Vào ngày 5 tháng 2 năm 2020, Công ty đã mua thêm toàn bộ 35.900.000 cổ phiếu được phát hành mới từ Hoàng Anh Đắk Lắk, công ty con trong Nhóm Công ty với giá trị là 359.000.000 ngàn VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0901/20/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 9 tháng 1 năm 2020. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Hoàng Anh Đắk Lắk từ 99,53% lên 99,78% tại ngày này.

### Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê ("Cao su Ban Mê")

Vào ngày 13 tháng 2 năm 2020, Nhóm Công ty đã hoàn tất nghiệp vụ mua 6.190.069 cổ phiếu, tương đương với 100% tỷ lệ sở hữu trong Cao su Ban Mê từ các cá nhân là chủ sở hữu Cao su Ban Mê với tổng giá trị chuyển nhượng là 444.000.000 ngàn VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 18/NQ-HĐQT-HADL.20 ngày 10 tháng 1 năm 2020. Theo đó, Cao su Ban Mê đã trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Ngoại trừ các sự kiện được trình bày trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Phạm Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2020

### VUI LÒNG TRUY CẬP VÀO WEBSITE

[http://haagrigo.com.vn/  
nha-dau-tu/thong-tin-tai-chinh/  
bao-cao-thuong-nien/](http://haagrigo.com.vn/nha-dau-tu/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-thuong-nien/)  
Cập nhật thông tin và các chi tiết về hoạt động mới nhất của HAGL Agrico có thể xem thêm tại website:

<http://haagrigo.com.vn/>

# HOANG ANH AGRICHO



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI**

**Trung tâm điều hành**

**Địa chỉ:** 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng  
Tp.Pleiku, Gia Lai, Việt Nam

**Tel** : (+84) 269 2222 285

**Fax** : (+84) 269 2222 218

**Email** : hoanganhagrico@hagl.com.vn

[www.haagrico.com.vn](http://www.haagrico.com.vn)